

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 301

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng IX.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Đà Nẵng. B. Bảo Lộc. C. Buôn Ma Thuột. D. Nha Trang.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Phú Thọ. C. Lào Cai. D. Yên Bái.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Hưng Yên. B. Phúc Yên. C. Hạ Long. D. Bắc Ninh.

Câu 46: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. hạn hán. B. sương muối. C. động đất. D. ngập lụt.

Câu 47: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng ngoại chí tuyến. C. bán cầu Tây. D. vùng nội chí tuyến.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Nghi Sơn. C. Vũng Áng. D. Hòn La.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Cầu. B. Sông Chu. C. Sông Thương. D. Sông Đà.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Phú Yên.

Câu 51: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. bón phân thích hợp. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. làm ruộng bậc thang. D. tiến hành tăng vụ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Phan Thiết. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đồng Xoài.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phanxipăng. C. Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

Câu 56: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. số lượng không lớn. B. trình độ rất cao. C. chất lượng nâng lên. D. phân bố rất đều.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều khắp cả nước. B. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái. D. Du khách ngày càng đông.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

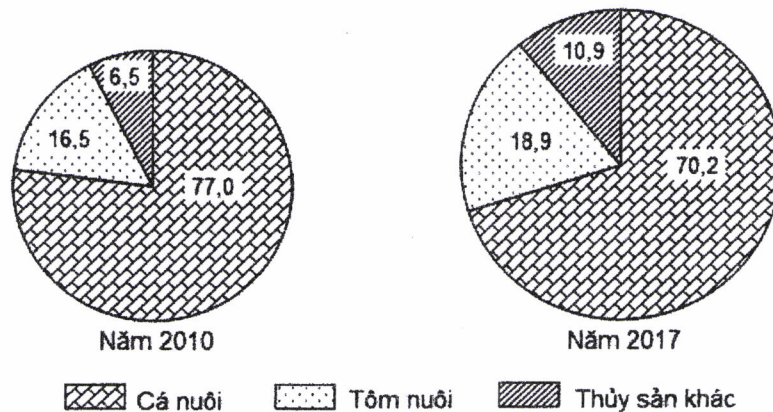
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời. B. Tập trung các tiềm lực kinh tế.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng. D. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm. B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
C. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

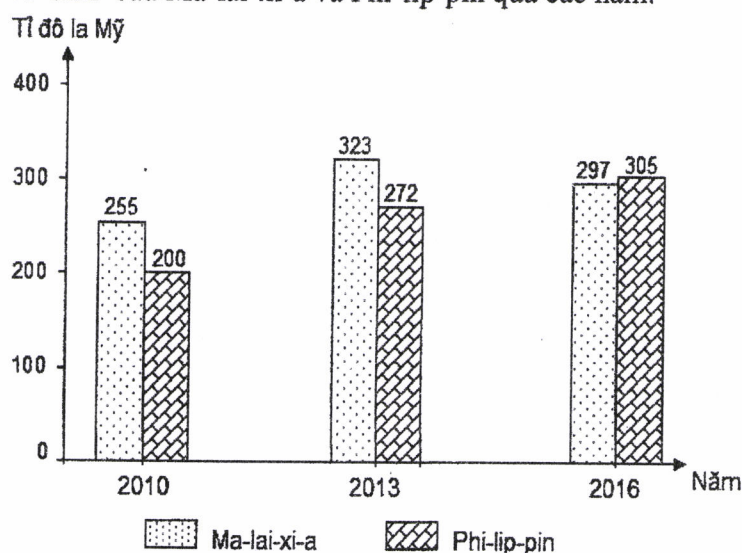
Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn. B. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. D. Sản xuất theo hướng hàng hóa.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định. B. Cơ cấu tuổi thay đổi.
C. Quy mô lớn. D. Nhiều dân tộc.

- Câu 65:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- mưa nhiều vào thu đông.
 - lượng bức xạ mặt trời lớn.
 - thời tiết đầu hạ khô nóng.
 - hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 66:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- phát triển các ngành trọng điểm.
 - xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
 - đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
 - hình thành các vùng công nghiệp.
- Câu 67:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- khai thác thế mạnh về tự nhiên.
 - góp phần phát triển xuất khẩu.
 - tận dụng thế mạnh lao động.
 - đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Câu 68:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
 - ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
 - đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
 - mở rộng diện tích hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
- Câu 69:** Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
- đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
- nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.

Câu 71: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
- Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
- Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.

Câu 72: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
- hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
- tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
- chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
- phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
- khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
- C. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
- D. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
- B. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- C. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
- D. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.

Câu 76: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
- B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
- D. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Miền.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
- C. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- D. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
- B. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
- C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
- D. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật.
- D. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 302****Số báo danh:****Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lạng Sơn. B. Bắc Giang. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Cà Mau. B. Tây Ninh. C. Cần Thơ. D. Biên Hòa.

Câu 44: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. vùng nhiệt đới.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Hiếu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Nam Định. B. Hòa Bình. C. Hải Phòng. D. Ninh Bình.

Câu 47: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. làm ruộng bậc thang.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. trồng cây theo băng.

Câu 48: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. lở đất. B. trượt đất. C. xói mòn. D. cháy rừng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Quảng Trị.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Biên Hòa. B. Vũng Tàu. C. Mỹ Tho. D. Tân An.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dung Quất. B. Định An. C. Nhơn Hội. D. Vân Phong.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phanxipăng. B. Phu Luông. C. Pu Trà. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều. B. Cần cù, sáng tạo. C. Trình độ rất cao. D. Số lượng cố định.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Chuồng trại đã được đầu tư. B. Lao động nhiều kinh nghiệm.
C. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. D. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng. B. Tập trung đông ở các đồng bằng.
C. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. D. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Số du khách ngày càng đông. B. Doanh thu ngày càng tăng.
C. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. D. Phân bố đều khắp cả nước.

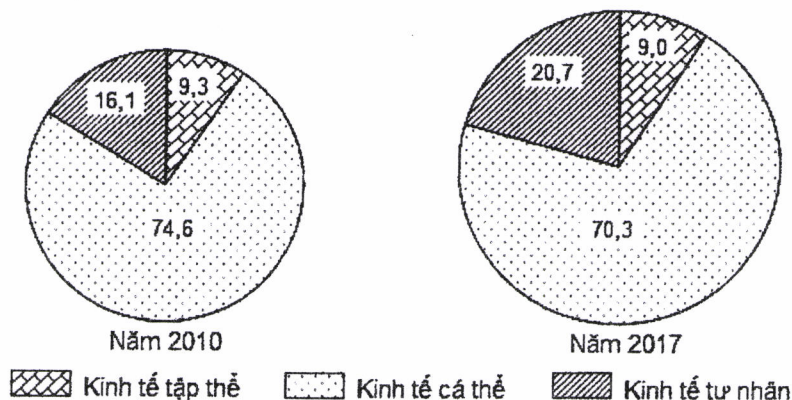
Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. B. Có một mùa đông lạnh kéo dài.
C. Nhiệt độ trung bình năm thấp. D. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. B. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.

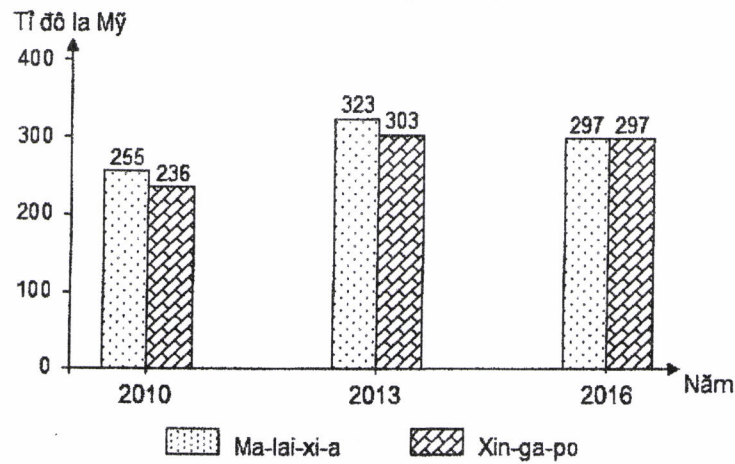
Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chưa hội nhập vào khu vực. B. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời. B. Hội tụ được các thế mạnh.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Cơ cấu ngành có thay đổi.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 66: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
- B. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- C. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- D. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- C. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- D. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- B. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
- C. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- D. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- B. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- D. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 71: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- B. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- C. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- D. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- C. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.
- D. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
B. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
D. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
B. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
C. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào. B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng. D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
B. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
D. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
C. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
D. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
B. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
D. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
B. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
C. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
D. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 303

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phu Pha Phong. C. Phu Luông. D. Pha Luông.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Sơn La. D. Hạ Long.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Đà. B. Sông Cà. C. Sông Chu. D. Sông Mã.

Câu 46: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. dùng thuốc diệt cỏ. B. bón phân thích hợp. C. đào hồ vẫy cá. D. tiến hành tăng vụ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Vân Đồn.

Câu 50: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. nội thủy. D. lãnh hải.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Hà Giang. C. Thái Nguyên. D. Bắc Kạn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Bình Định. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ngãi.

Câu 53: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Lụt úng. B. Ngập mặn. C. Cát bay. D. Lũ quét.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Lao Bảo. C. Huế. D. Cha Lo.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ. B. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Là ngành còn rất non trẻ. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Mạng lưới phát triển rộng. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

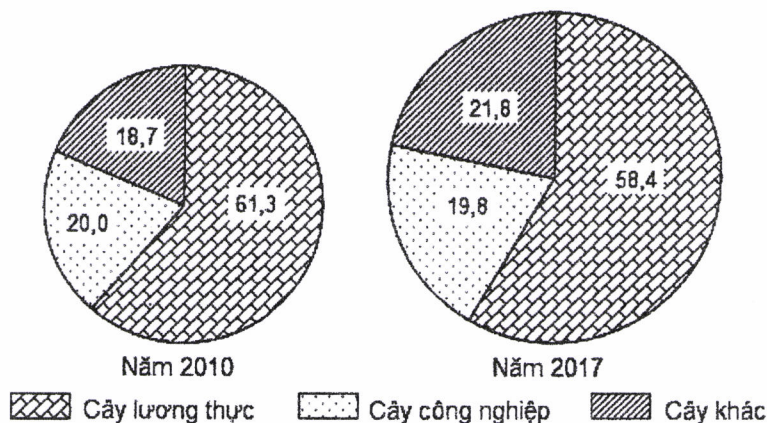
Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. B. Cơ cấu cây trồng có thay đổi.
C. Có trình độ lao động rất cao. D. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật.

Câu 59: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm. D. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Phân bố đều giữa các vùng. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. B. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ thu hút được khách nội địa. D. Loại hình sản phẩm rất đa dạng.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
C. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan. D. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 63: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Có tính kỉ luật rất cao. B. Lực lượng trẻ dồi dào.
C. Số lượng đông và tăng. D. Cần cù và sáng tạo.

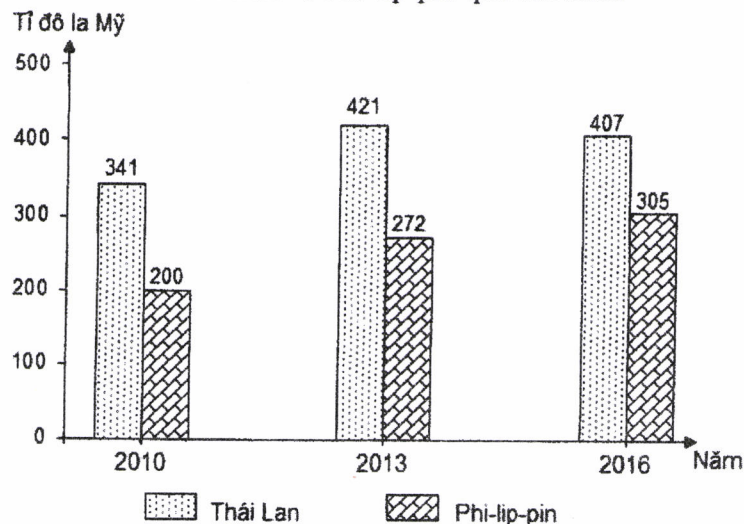
Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng. B. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió phơn Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Tây Nam.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
B. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
D. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.

Câu 68: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn. B. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
C. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu. B. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
C. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá. D. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau. B. các loại đất với đặc tính phù hợp.
C. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ. D. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. B. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
C. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ. D. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
C. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
D. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
D. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
B. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
C. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
D. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với các nước.

Câu 78: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
B. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
C. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.
D. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
C. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
D. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.

Câu 80: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
D. phân bố sản xuất hợp lí ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 304

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pu Tha Ca. C. Phu Luông. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Sóng thần. C. Trượt đất. D. Cát bay.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Lâm Đồng. D. Bình Thuận.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Yên Bái. B. Thanh Hóa. C. Hạ Long. D. Hải Phòng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 47: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. bón phân hóa học. C. nông - lâm kết hợp. D. dùng thuốc diệt cỏ.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Đà Nẵng. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Yên Bái. D. Phú Thọ.

Câu 52: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. thềm lục địa. D. nội thủy.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Cà. B. Sông Mã. C. Sông Cầu. D. Sông Chu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Nậm Cắn. C. Cầu Treo. D. Đông Hà.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Đa dạng hóa các loại hình. B. Mùa đông dừng hoạt động.
C. Thu hút nhiều vốn đầu tư. D. Phát triển nhiều điểm mới.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?
 A. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu. B. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.
 C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?
 A. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa. B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
 C. Hướng núi phổ biến bắc - nam. D. Không có đồng bằng đất phù sa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?
 A. Số lượng đông hơn dân thành thị. B. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.
 C. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị. D. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?
 A. Lao động đông đảo và có chất lượng cao. B. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.
 C. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời. D. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?
 A. Có nhiều cao nguyên. B. Núi cao nhất cả nước.
 C. Có hướng vòng cung. D. Thấp và hẹp ngang.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?
 A. Số lượng đông đảo. B. Trình độ rất cao. C. Phân bố đồng đều. D. Cơ cấu không đổi.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

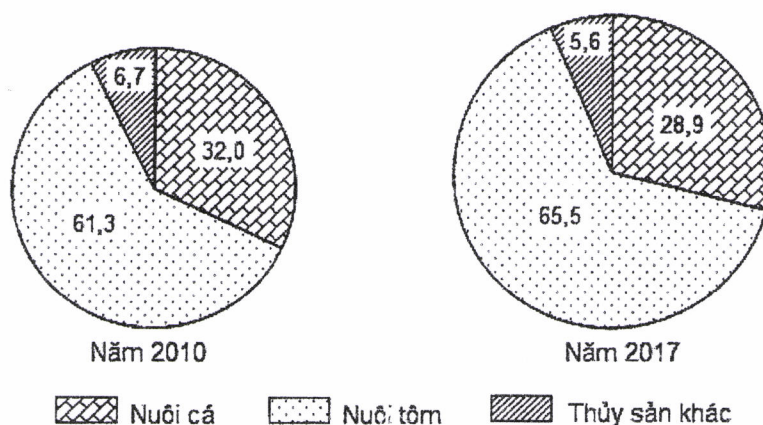
Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?
 A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
 C. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?
 A. Có các vùng chuyên canh. B. Sử dụng nhiều giống tốt.
 C. Tập trung ở các đồng bằng. D. Chủ yếu là cây nhiệt đới.

Câu 64: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
 C. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. D. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.

Câu 65: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
 A. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu. B. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
 C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt. D. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.

Câu 66: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm
 A. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm. B. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
 C. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản. D. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

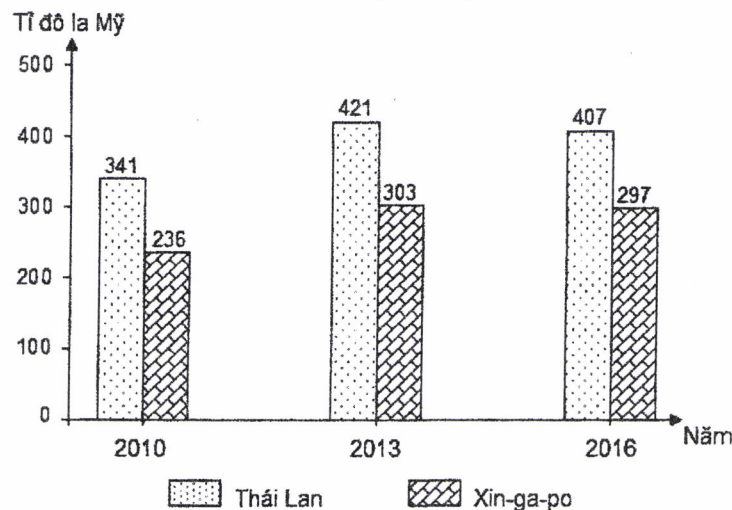
Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là
 A. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm. B. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
 C. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư. D. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Câu 68: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là
 A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
 B. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
 C. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
 D. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là
 A. gió mùa Tây Nam. B. gió phơn Tây Nam.
 C. gió mùa Đông Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
 A. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt. B. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
 C. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới. D. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
 A. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
 B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
 C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
 D. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
B. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
C. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
D. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
B. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.
C. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
B. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
D. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Câu 77: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
B. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
C. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 305

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pha Luông. B. Kiều Liêu Ti. C. Phu Luông. D. Phu Pha Phong.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Lao Bảo. B. Huế. C. Đồng Hới. D. Cha Lo.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hà Giang. B. Bắc Kạn. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La. B. Hà Nội. C. Hạ Long. D. Hải Phòng.

Câu 45: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp. C. dùng thuốc diệt cỏ. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng XII. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 48: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. nội thủy. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. lãnh hải. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Khánh Hòa.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Mã. D. Sông Cả.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Cát bay. B. Lụt úng. C. Lũ quét. D. Ngập mặn.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Vân Đồn.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 56: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Số lượng đông và tăng. B. Lực lượng trẻ dồi dào.
C. Cần cù và sáng tạo. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. B. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. D. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.

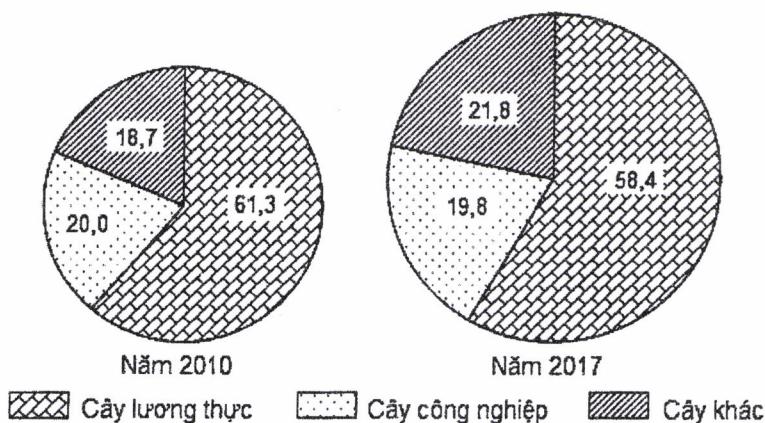
Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Có trình độ lao động rất cao. B. Cơ cấu cây trồng có thay đổi.
C. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật. D. Sản phẩm đã được xuất khẩu.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ. B. Loại hình sản phẩm rất đa dạng.
C. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. D. Chỉ thu hút được khách nội địa.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây lương thực giảm, cây khác tăng. B. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. D. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Khối lượng vận chuyển lớn. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Mạng lưới phát triển rộng. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Số lượng tăng qua các năm. B. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.
C. Phân bố đều giữa các vùng. D. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ. B. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm.
C. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao. D. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.

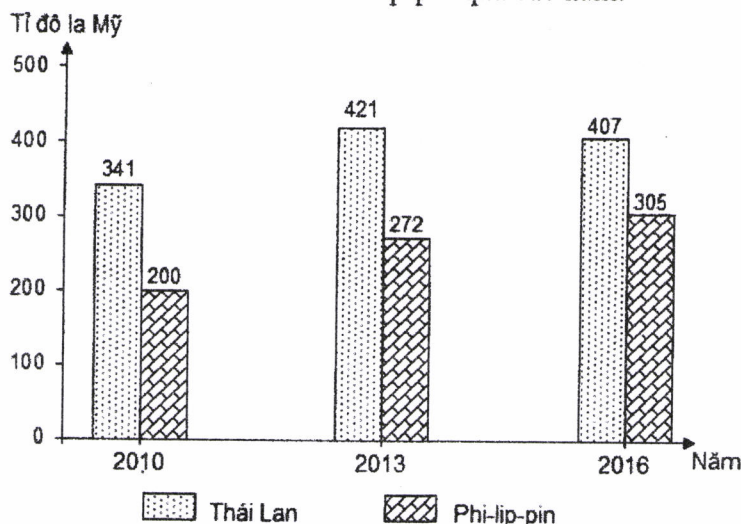
Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ.
- B. Thấp dần về phía đông bắc.
- C. Có nhiều cao nguyên badan.
- D. Hướng núi chính vòng cung.

Câu 65: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
- B. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
- B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- C. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
- D. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 68: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
- B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
- C. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- D. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- C. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lý các tài nguyên.
- D. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.

Câu 71: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- C. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
- D. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.
- B. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
- C. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- D. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- B. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
- D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 74: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- B. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
- C. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- D. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- D. hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
- B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
- C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. phân bổ sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- B. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- C. đổi mới quản lý, tăng cường liên kết với các nước.
- D. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Đường.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
- B. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- C. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- D. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- C. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- D. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 306

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Tây Côn Lĩnh. C. Pu Tha Ca. D. Phu Luông.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Bình Thuận. D. Lâm Đồng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Cầu. D. Sông Mã.

Câu 46: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. nông - lâm kết hợp. B. bón phân hóa học. C. đào hồ vẫy cá. D. dùng thuốc diệt cỏ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Đà Nẵng. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 48: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. thềm lục địa. D. nội thủy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Lai Châu. D. Phú Thọ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hạ Long. B. Hải Phòng. C. Yên Bái. D. Thanh Hóa.

Câu 51: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Sóng thần. B. Lũ quét. C. Trượt đất. D. Cát bay.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hà. B. Đồng Hới. C. Nậm Cắn. D. Cầu Treo.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng IX.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang. B. Có hướng vòng cung.
C. Có nhiều cao nguyên. D. Núi cao nhất cả nước.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo. B. Phân bố đồng đều. C. Trình độ rất cao. D. Cơ cấu không đổi.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Chủ yếu là cây nhiệt đới. B. Sử dụng nhiều giống tốt.
C. Tập trung ở các đồng bằng. D. Có các vùng chuyên canh.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông hơn dân thành thị. B. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
C. Trình độ khoa học kỹ thuật cao. D. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Mùa đông dừng hoạt động. B. Đa dạng hóa các loại hình.
C. Phát triển nhiều điểm mới. D. Thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 60: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
C. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. D. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.

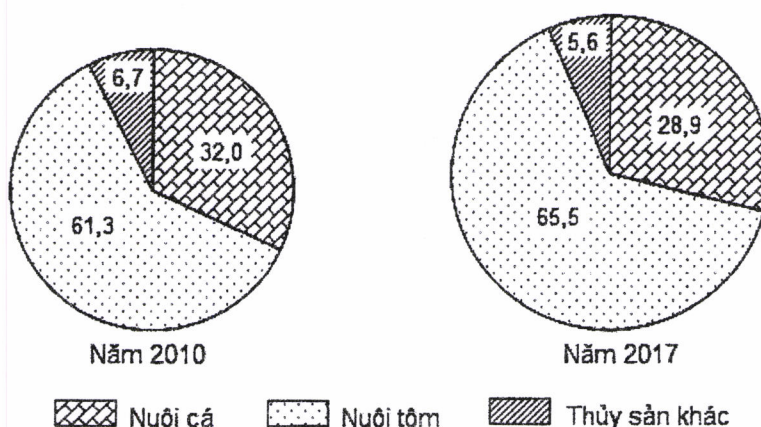
Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa. B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
C. Hướng núi phổ biến bắc - nam. D. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.

Câu 63: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. B. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. D. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Ngành non trẻ và phát triển nhanh. B. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.
C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.

Câu 66: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- B. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- C. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.
- D. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

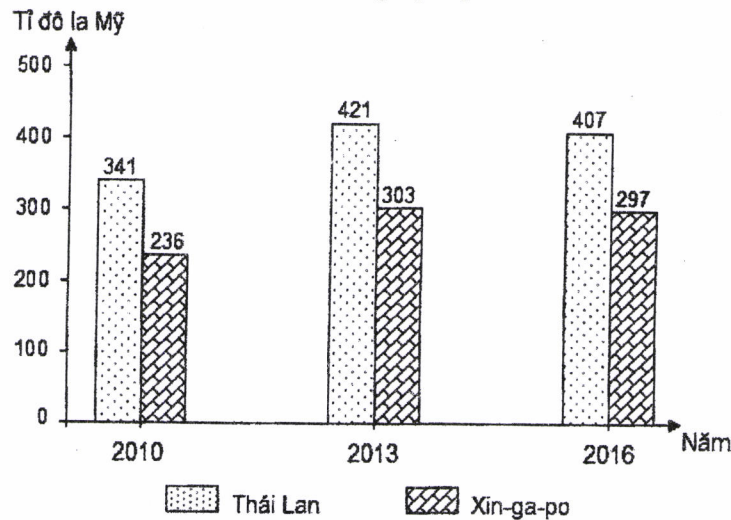
Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 71: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- B. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- C. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- D. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- C. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
C. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
D. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
B. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
C. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
D. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 76: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
D. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
D. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
B. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
D. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 307

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Thương. D. Sông Đà.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Thanh Hóa.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hòn La. B. Vũng Áng. C. Chu Lai. D. Nghi Sơn.

Câu 44: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. sương muối. B. ngập lụt. C. hạn hán. D. động đất.

Câu 45: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng ngoại chí tuyến. C. vùng nội chí tuyến. D. bán cầu Tây.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Nha Trang. B. Đà Nẵng. C. Bảo Lộc. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Hạ Long. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Bắc Ninh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Hậu Giang. B. Phú Yên. C. Bến Tre. D. Sóc Trăng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Xoài. B. Buôn Ma Thuột. C. Phan Thiết. D. Đà Lạt.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Tây Côn Lĩnh. C. Phanxipăng. D. Kiều Liêu Ti.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Yên Bái. B. Lào Cai. C. Phú Thọ. D. Hòa Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

Câu 54: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. làm ruộng bậc thang.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
C. Tập trung các tiềm lực kinh tế. D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều đầu mối giao thông lớn. B. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

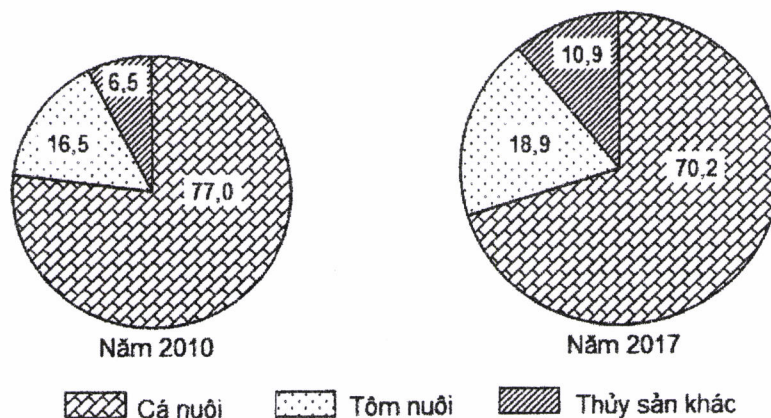
Câu 58: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. chất lượng nâng lên. B. số lượng không lớn. C. trình độ rất cao. D. phân bố rất đều.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. B. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
C. Sản xuất theo hướng hàng hóa. D. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm. B. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
C. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. D. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo. B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
C. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế. D. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ. B. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
C. Phân bố đều khắp cả nước. D. Du khách ngày càng đông.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Quy mô lớn. B. Nhiều dân tộc.
C. Cơ cấu tuổi thay đổi. D. Số lượng luôn cố định.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là

- A. phát triển các ngành trọng điểm. B. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
C. hình thành các vùng công nghiệp. D. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.

Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
- B. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
- C. mở rộng diện tích hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
- D. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
- B. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- C. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- D. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.

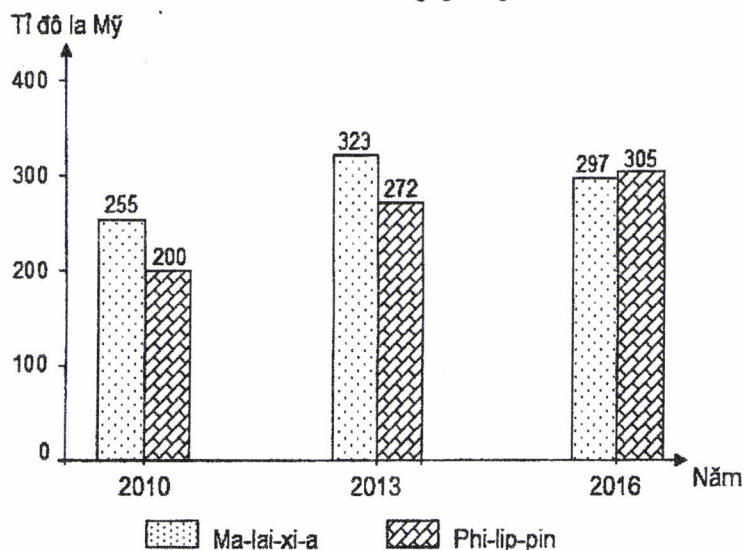
Câu 68: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- A. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- C. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.

Câu 69: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
- B. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
- D. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 71: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. mưa nhiều vào thu đông.
- B. lượng bức xạ mặt trời lớn.
- C. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- D. thời tiết đầu hạ khô nóng.

Câu 72: Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường.
- B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
- C. góp phần phát triển xuất khẩu.
- D. tận dụng thế mạnh lao động.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
- D. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
B. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
C. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
D. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
B. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
C. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
D. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
B. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
C. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
D. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.

Câu 78: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
B. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
C. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
D. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
B. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
D. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
B. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
C. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
D. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 308

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 42: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. trồng cây theo băng.
C. đào hồ vẫy cá. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Luông. B. Pu Trà. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phanxipăng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Phú Yên. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 46: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nhiệt đới. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. bán cầu Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Cà Mau. B. Cần Thơ. C. Biên Hòa. D. Tây Ninh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Biên Hòa. B. Tân An. C. Mỹ Tho. D. Vũng Tàu.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Cầu. B. Sông Đà. C. Sông Hiếu. D. Sông Thương.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Nhơn Hội. B. Vân Phong. C. Định An. D. Dung Quất.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Ninh Bình. B. Nam Định. C. Hải Phòng. D. Hòa Bình.

Câu 54: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. xói mòn. B. lở đất. C. trượt đất. D. cháy rừng.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Hội tụ được các thế mạnh.
C. Được hình thành từ lâu đời. D. Cơ cấu ngành có thay đổi.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều. B. Số lượng cố định. C. Trình độ rất cao. D. Cần cù, sáng tạo.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Ở phía đông thung lũng sông Hồng. D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu. B. Chuồng trại đã được đầu tư.
C. Lao động nhiều kinh nghiệm. D. Nguồn thức ăn ngày càng tốt.

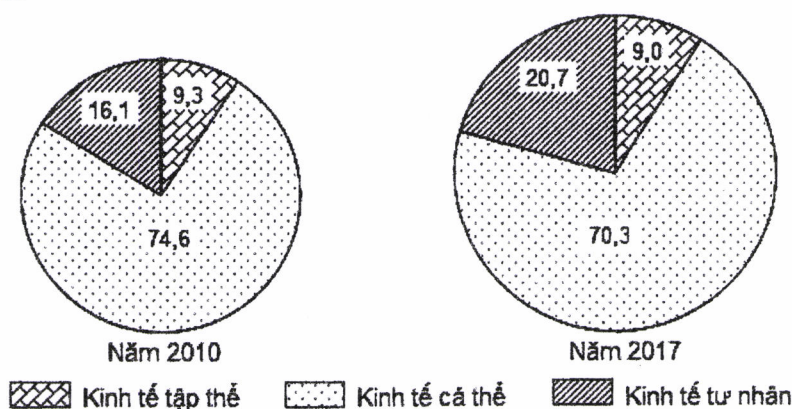
Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu. B. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.
C. Chưa hội nhập vào khu vực. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Số du khách ngày càng đông. B. Phân bố đều khắp cả nước.
C. Doanh thu ngày càng tăng. D. Có nhiều trung tâm nổi tiếng.

Câu 61: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm.
C. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. D. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
C. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. D. Tập trung đông ở các đồng bằng.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Nhiệt độ trung bình năm thấp. B. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.
C. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. D. Có một mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

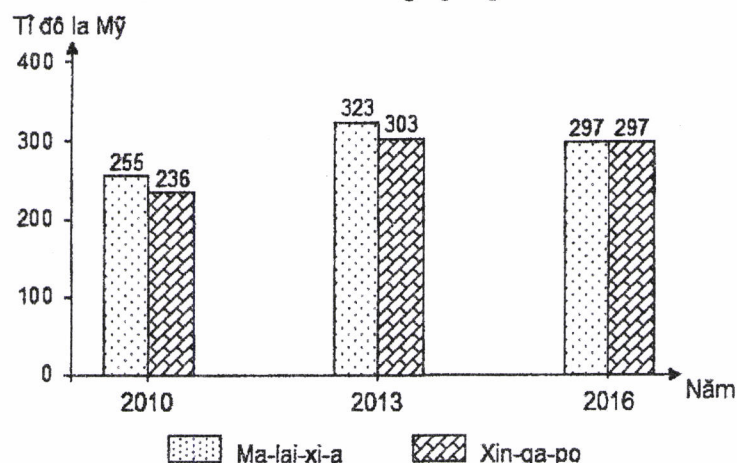
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành. B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
C. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển. D. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
B. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 67: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa. B. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
C. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư. D. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
B. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
C. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
D. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành. B. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
C. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu. D. phát triển giao thông vận tải, thông tin.

Câu 70: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất. B. một mùa đông lạnh và ít mưa.
C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều. D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
B. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.
C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
B. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
D. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
- B. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
- C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
- D. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Kết hợp.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
- B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- C. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
- D. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- B. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.
- C. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
- D. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
- B. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
- B. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- C. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
- D. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
- B. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
- C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
- D. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 309

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Phanxipăng. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Phan Thiết. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đồng Xoài.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Hạ Long.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Phú Yên.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Nha Trang. B. Đà Nẵng. C. Bảo Lộc. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 47: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nội chí tuyến. B. vùng ngoại chí tuyến. C. bán cầu Nam. D. bán cầu Tây.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Vũng Áng. C. Chu Lai. D. Hòn La.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 50: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. động đất. B. sương muối. C. hạn hán. D. ngập lụt.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Phú Thọ. B. Lào Cai. C. Yên Bái. D. Hòa Bình.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

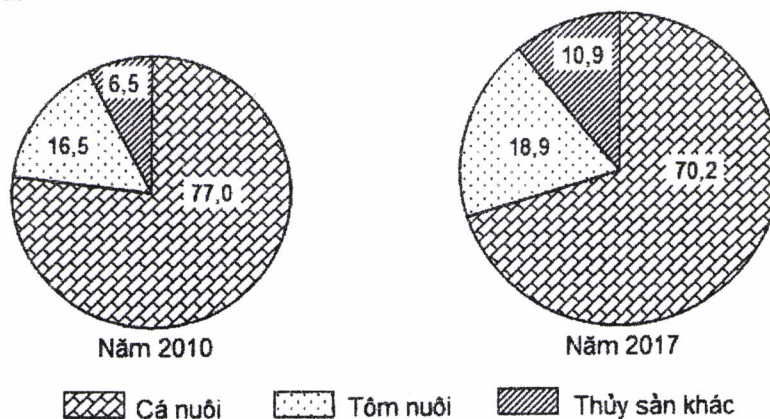
Câu 53: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. đẩy mạnh thâm canh. B. làm ruộng bậc thang.
C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Đà. B. Sông Cầu. C. Sông Chu. D. Sông Thương.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
C. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
D. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.

Câu 56: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. chất lượng nâng lên. B. phân bố rất đều. C. số lượng không lớn. D. trình độ rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu. B. Sản xuất theo hướng hàng hóa.
C. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn. D. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Gồm nhiều dãy núi chạy song song. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước. D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định. B. Nhiều dân tộc.
C. Cơ cấu tuổi thay đổi. D. Quy mô lớn.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm. B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
C. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ. B. Du khách ngày càng đông.
C. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái. D. Phân bố đều khắp cả nước.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Tập trung các tiềm lực kinh tế. B. Ranh giới có sự điều chỉnh.
C. Được hình thành từ lâu đời. D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều đầu mối giao thông lớn. B. Các loại hình vận tải rất đa dạng.
C. Các ngành đều phát triển rất nhanh. D. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

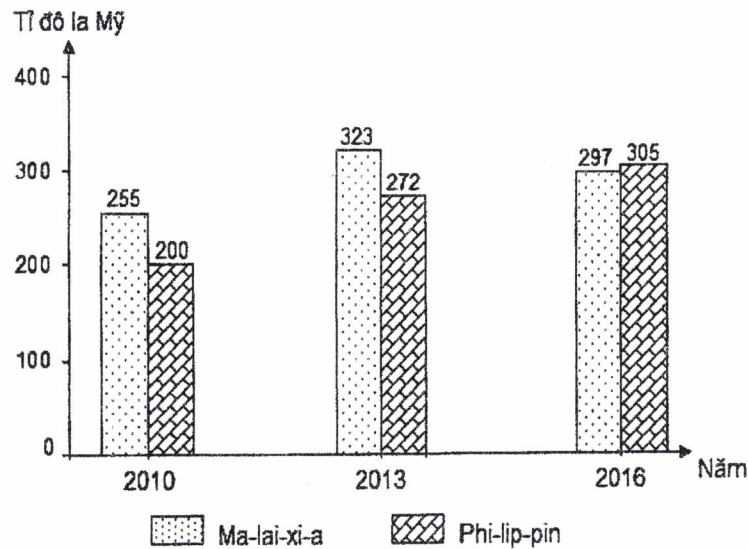
Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
 - D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 66:** Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là
- A. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
 - B. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
 - C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
 - D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
- Câu 67:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
 - B. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
 - C. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
 - D. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
- Câu 68:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
 - B. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
 - C. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
 - D. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- Câu 69:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- A. hai mùa khác nhau rõ rệt.
 - B. lượng bức xạ mặt trời lớn.
 - C. mưa nhiều vào thu đông.
 - D. thời tiết đầu hạ khô nóng.
- Câu 70:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- A. đáp ứng nhu cầu thị trường.
 - B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
 - C. góp phần phát triển xuất khẩu.
 - D. tận dụng thế mạnh lao động.
- Câu 71:** Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
- A. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
 - B. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
 - C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
 - D. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- A. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
 - B. phát triển các ngành trọng điểm.
 - C. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
 - D. hình thành các vùng công nghiệp.
- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- A. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - B. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
 - C. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - D. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.

Câu 74: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
- B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
- D. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
- B. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
- C. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
- D. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Tròn.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.
- D. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
- B. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
- C. sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
- D. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- B. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
- C. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- D. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 80: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
- B. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
- C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
- D. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 310

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Hòa Bình. B. Hải Phòng. C. Ninh Bình. D. Nam Định.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cà?

- A. Sông Cầu. B. Sông Hiếu. C. Sông Đà. D. Sông Thương.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An. B. Vân Phong. C. Nhơn Hội. D. Dung Quất.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Bắc Giang. C. Thái Nguyên. D. Lạng Sơn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Mỹ Tho. B. Tân An. C. Vũng Tàu. D. Biên Hòa.

Câu 46: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. trồng cây theo băng.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. làm ruộng bậc thang.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

Câu 48: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. lở đất. B. trượt đất. C. xói mòn. D. cháy rừng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pu Trà. B. Phu Luông. C. Tây Côn Lĩnh. D. Phanxipăng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Biên Hòa. B. Cà Mau. C. Tây Ninh. D. Cần Thơ.

Câu 51: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nhiệt đới. B. bán cầu Nam. C. bán cầu Tây. D. vùng xích đạo.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt. B. Chưa hội nhập vào khu vực.
C. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

- Câu 56:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?
- A. Phân bố đều khắp cả nước. B. Số du khách ngày càng đông.
C. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. D. Doanh thu ngày càng tăng.
- Câu 57:** Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?
- A. Có một mùa đông lạnh kéo dài. B. Nhiệt độ trung bình năm thấp.
C. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa. D. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ.
- Câu 58:** Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?
- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. D. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
- Câu 59:** Cho bảng số liệu:

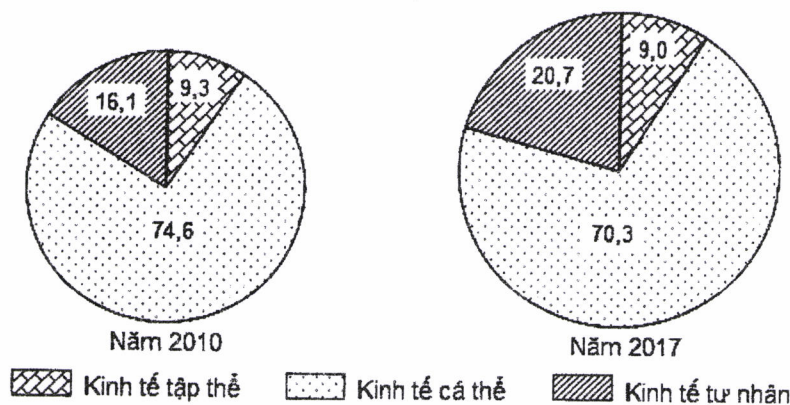
DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. D. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
- Câu 60:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?
- A. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
C. Tập trung đông ở các đồng bằng. D. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi.
- Câu 61:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?
- A. Chuồng trại đã được đầu tư. B. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.
C. Lao động nhiều kinh nghiệm. D. Nguồn thức ăn ngày càng tốt.
- Câu 62:** Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?
- A. Trình độ rất cao. B. Số lượng cố định. C. Phân bố đồng đều. D. Cần cù, sáng tạo.
- Câu 63:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?
- A. Hội tụ được các thế mạnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
C. Cơ cấu ngành có thay đổi. D. Ranh giới có sự điều chỉnh.
- Câu 64:** Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. B. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 65: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- B. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- C. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 66: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.
- B. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- C. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- D. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

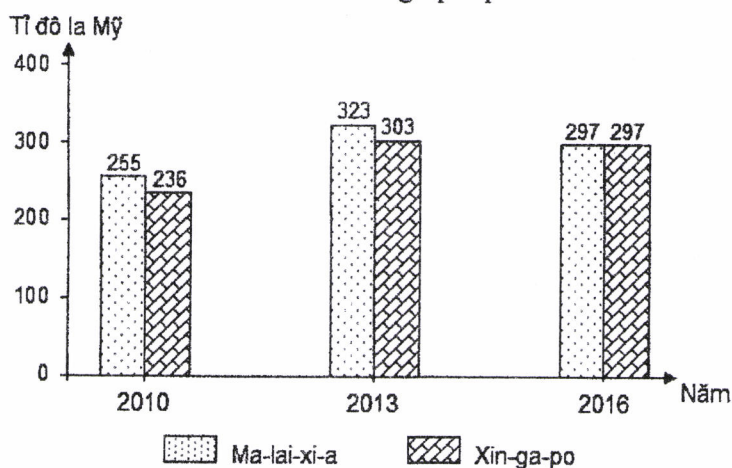
Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- B. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- D. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- B. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- C. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
- D. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- B. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- C. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- C. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- D. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.

- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
 - tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
 - tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
 - sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

- Câu 74:** Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
 - sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
 - đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
 - chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

- Câu 75:** Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do
- tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
 - hiệu thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.
 - sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
 - giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

- Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
 - thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
 - thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.
 - đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.

- Câu 77:** Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
 - bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
 - phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
 - khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- Đường.
- Kết hợp.
- Miền.
- Tròn.

- Câu 79:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
 - tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
 - giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
 - nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

- Câu 80:** Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là
- phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
 - hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
 - đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
 - tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 311****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Pha Phong. B. Pha Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Phu Luông.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Ngập mặn. B. Lũ quét. C. Lụt úng. D. Cát bay.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Đà. D. Sông Mã.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vân Đồn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Nghi Sơn.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Lao Bảo. B. Cha Lo. C. Đồng Hới. D. Huế.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng XII. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 51: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. lãnh hải. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. nội thủy.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hà Giang. B. Bắc Kạn. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

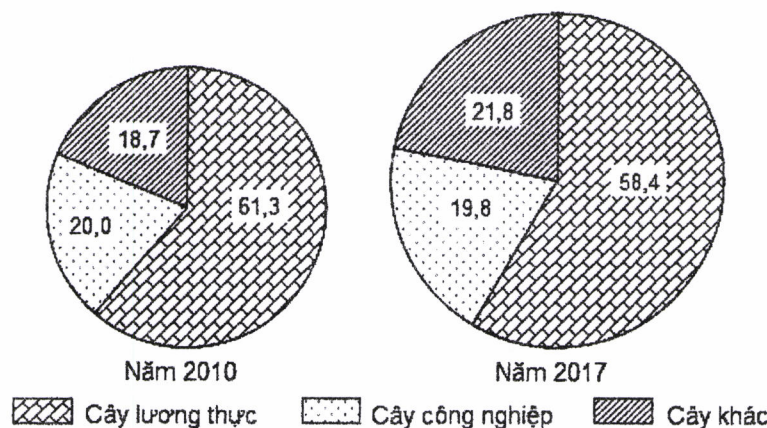
Câu 53: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. dùng thuốc diệt cỏ. B. đào hồ vẫy cá. C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Sơn La. B. Hạ Long. C. Hải Phòng. D. Hà Nội.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng. B. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.
C. Cây lương thực giảm, cây khác tăng. D. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới phát triển rộng. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tập trung các hệ thống sông rất lớn. B. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. B. Có trình độ lao động rất cao.
C. Cơ cấu cây trồng có thay đổi. D. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. B. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
C. Được hình thành, phát triển từ lâu đời. D. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đồng bộ.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Quy mô nhỏ hơn nông thôn. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Phân bố đều giữa các vùng.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Hướng núi chính vòng cung. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 63: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Số lượng đông và tăng. B. Cần cù và sáng tạo.
C. Lực lượng trẻ dồi dào. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. B. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ thu hút được khách nội địa. D. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. gió phơn Tây Nam.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- B. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.
- C. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.
- D. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
- B. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- C. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
- D. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

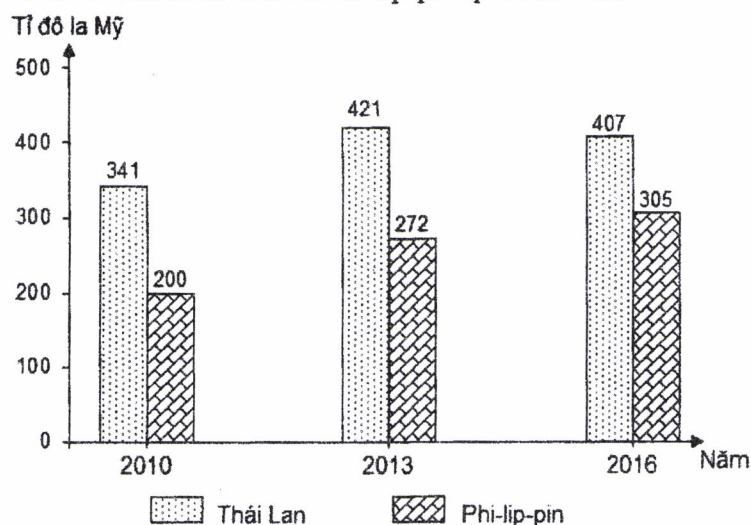
Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
- B. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- C. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.
- D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
- B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- C. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 71: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- B. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

Câu 72: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- D. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- B. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.
- C. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- D. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- B. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- C. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- D. đổi mới quản lý, tăng cường liên kết với các nước.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Tròn.

Câu 76: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- B. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- C. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.
- D. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- B. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
- D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- B. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- C. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- D. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.

Câu 79: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
- B. phân bố sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.
- C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- D. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
- C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
- D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 312

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Hòn La. B. Nhơn Hội. C. Chu Lai. D. Dung Quất.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đông Hà. C. Đồng Hới. D. Cầu Treo.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Mã. B. Sông Cầu. C. Sông Chu. D. Sông Cà.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng XII.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Đà Nẵng. D. Quảng Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Yên Bái. C. Hạ Long. D. Thanh Hóa.

Câu 48: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Trượt đất. C. Sóng thần. D. Cát bay.

Câu 49: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. thềm lục địa.
C. nội thủy. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Phú Thọ. D. Lai Châu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Tây Côn Lĩnh.

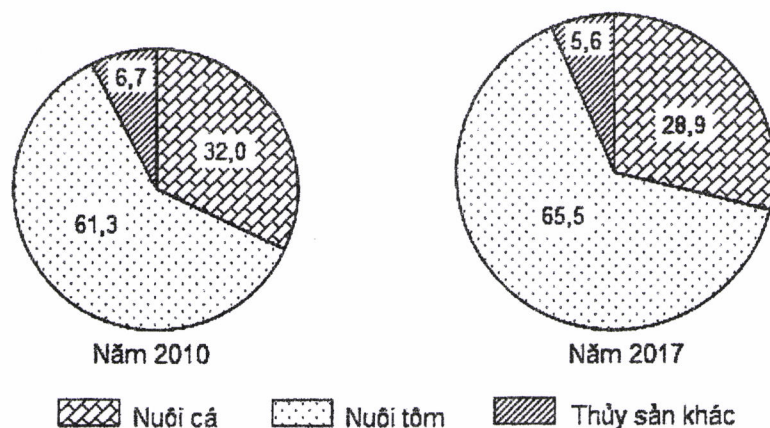
Câu 53: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. bón phân hóa học. D. nông - lâm kết hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Sóc Trăng. B. Bình Thuận. C. Bến Tre. D. Lâm Đồng.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng.
B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng.
D. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
B. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
D. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa.
B. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.
C. Hướng núi phổ biến bắc - nam.
D. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.
B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.
D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Có các vùng chuyên canh.
B. Tập trung ở các đồng bằng.
C. Sử dụng nhiều giống tốt.
D. Chủ yếu là cây nhiệt đới.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều.
B. Trình độ rất cao.
C. Cơ cấu không đổi.
D. Số lượng đông đảo.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Núi cao nhất cả nước.
B. Thấp và hẹp ngang.
C. Có hướng vòng cung.
D. Có nhiều cao nguyên.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới.
B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
C. Mùa đông dừng hoạt động.
D. Đa dạng hóa các loại hình.

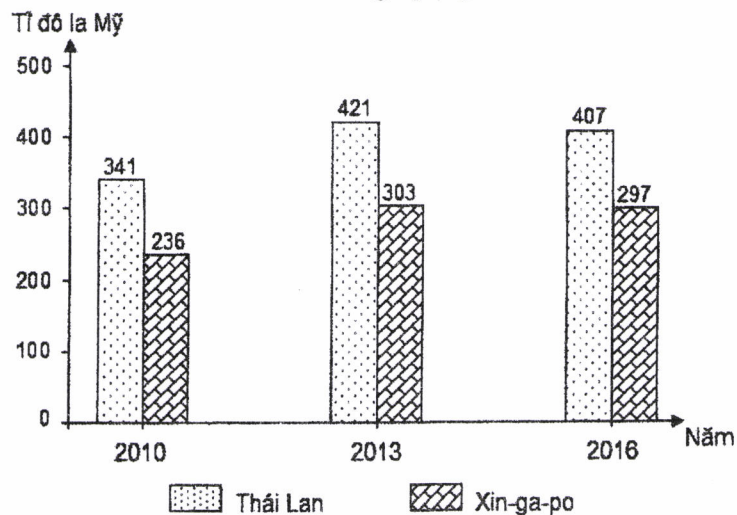
Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.
B. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.
C. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.
D. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.
B. Số lượng đông hơn dân thành thị.
C. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
D. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 66: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 67: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- B. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- C. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- D. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- B. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- C. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- D. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 69: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.
- D. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
- B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- D. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
- C. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- D. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- C. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- D. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 73: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- B. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- C. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
- D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
B. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
C. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
D. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
B. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
C. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
D. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
C. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
D. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
B. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
D. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
B. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
C. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.
D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 313

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Hà Giang. D. Bắc Kạn.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Sơn La. C. Hà Nội. D. Hạ Long.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Phú Yên. B. Đắk Lắk. C. Lâm Đồng. D. Gia Lai.

Câu 46: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Ngập mặn. B. Cát bay. C. Lũ quét. D. Lụt úng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pha Luông. C. Phu Luông. D. Phu Pha Phong.

Câu 48: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. lãnh hải.
C. vùng tiếp giáp lãnh hải. D. nội thủy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng IX. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Huế. B. Đồng Hới. C. Lao Bảo. D. Cha Lo.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Chu. B. Sông Cả. C. Sông Mã. D. Sông Đà.

Câu 52: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. tiến hành tăng vụ. D. bón phân thích hợp.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Nam. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Vân Đồn. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều giữa các vùng. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Tỷ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

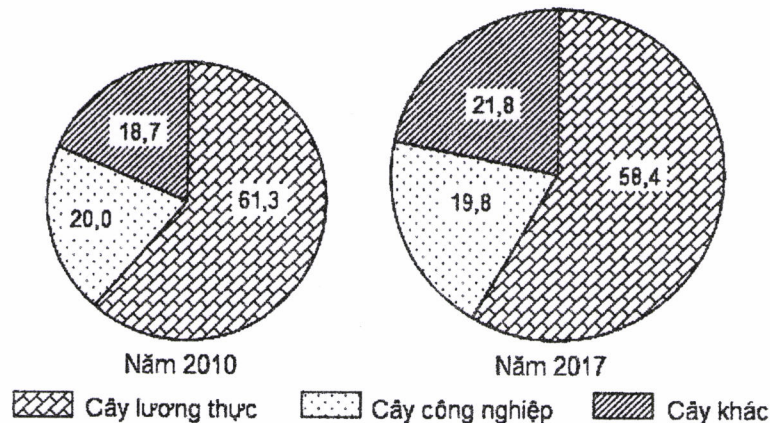
Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đồng bộ. B. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. B. Chỉ thu hút được khách nội địa.
C. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ. D. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ.

Câu 58: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. D. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện ngày càng tốt. B. Mạng lưới phát triển rộng.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Là ngành còn rất non trẻ.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. B. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Cơ cấu cây trồng có thay đổi. B. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.
C. Sản phẩm đã được xuất khẩu. D. Có trình độ lao động rất cao.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 63: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

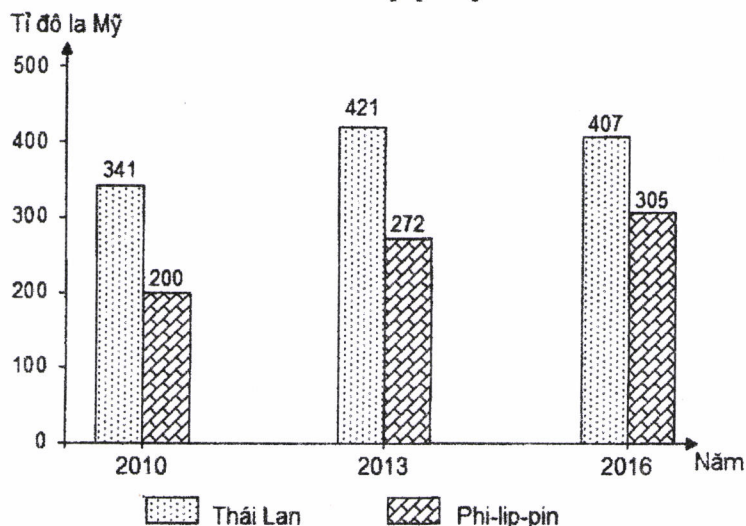
Câu 64: Lao động nước ta **không** có thể mạnh nào sau đây?

- A. Cần cù và sáng tạo. B. Số lượng đông và tăng.
C. Lực lượng trẻ dồi dào. D. Có tính kỉ luật rất cao.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
- B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- C. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.
- B. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- C. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
- D. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.

Câu 68: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
- B. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- C. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- B. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
- C. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 70: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió phơn Tây Nam.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.
- B. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
- C. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- B. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
- C. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
- D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 74: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- B. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.
- C. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- D. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- B. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- C. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
- D. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. phân bố sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.
- B. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- C. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
- D. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.
- B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- C. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng thị trường.
- B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- D. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- B. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- C. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- D. đổi mới quản lý, tăng cường liên kết với các nước.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 314

Số báo danh:

Câu 41: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. nông - lâm kết hợp. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. bón phân hóa học. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Pu Tha Ca. D. Kiều Liêu Ti.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Hòn La. C. Nhơn Hội. D. Dung Quất.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Quảng Nam.

Câu 45: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Cát bay. B. Trượt đất. C. Sóng thần. D. Lũ quét.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Thanh Hóa. B. Hạ Long. C. Hải Phòng. D. Yên Bái.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đồng Hới. C. Cầu Treo. D. Đông Hà.

Câu 49: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. thềm lục địa.
C. nội thủy. D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng XII.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Bến Tre. C. Sóc Trăng. D. Bình Thuận.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Cà. D. Sông Mã.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Yên Bái. D. Phú Thọ.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang. B. Có nhiều cao nguyên.
C. Núi cao nhất cả nước. D. Có hướng vòng cung.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo. B. Phân bố đồng đều. C. Cơ cấu không đổi. D. Trình độ rất cao.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Có rất nhiều hệ thống sông lớn. B. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.
C. Không có đồng bằng đất phù sa. D. Hướng núi phổ biến bắc - nam.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Tập trung ở các đồng bằng. B. Có các vùng chuyên canh.
C. Chủ yếu là cây nhiệt đới. D. Sử dụng nhiều giống tốt.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Ngành non trẻ và phát triển nhanh. B. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.
C. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau. D. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.

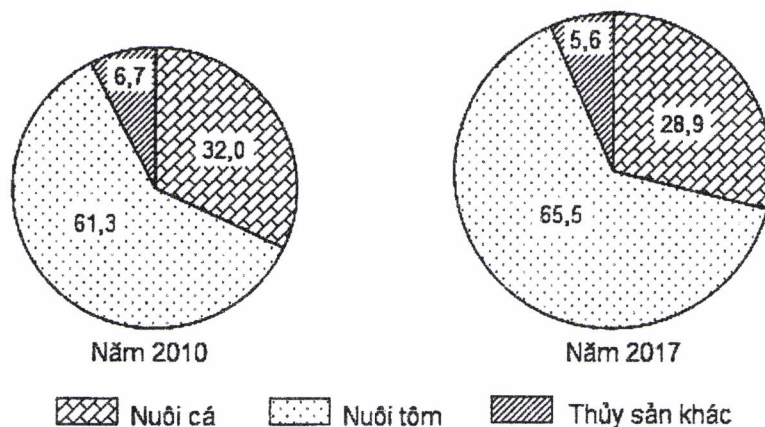
Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Trình độ khoa học kỹ thuật cao. B. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
C. Số lượng đông hơn dân thành thị. D. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới. B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
C. Mùa đông dừng hoạt động. D. Đa dạng hóa các loại hình.

Câu 63: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. B. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. D. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. D. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- B. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- C. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- B. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

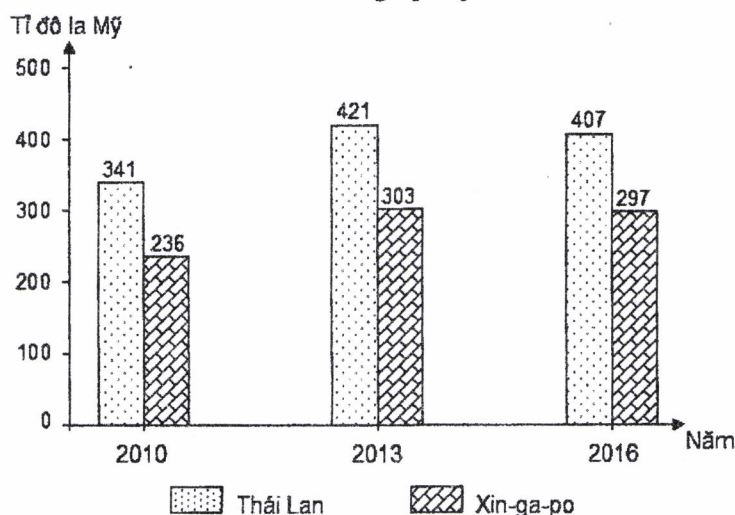
Câu 67: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- B. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.
- C. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- D. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.

Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- B. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- C. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.
- D. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.

Câu 69: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- B. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- C. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 71: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 72: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- B. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- C. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- D. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
- B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- C. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
- B. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
- C. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
- D. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Câu 75: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- B. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
- C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
- C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
- D. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
- B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
- C. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.
- D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.
- B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
- C. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- D. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
- B. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
- C. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.
- D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 315****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Phú Yên. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Bến Tre.

Câu 42: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. hạn hán. B. ngập lụt. C. sương muối. D. động đất.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Kiều Liêu Ti. C. Phanxipăng. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Bào Lộc. B. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. Buôn Ma Thuột.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Hạ Long.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 48: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. làm ruộng bậc thang. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Chu Lai. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lào Cai. B. Yên Bái. C. Hòa Bình. D. Phú Thọ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

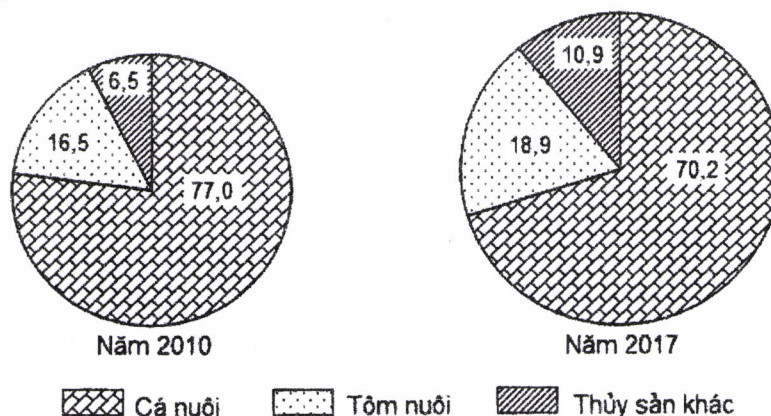
Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Đà Lạt. B. Buôn Ma Thuột. C. Phan Thiết. D. Đồng Xoài.

Câu 54: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Tây. B. vùng nội chí tuyến. C. vùng ngoại chí tuyến. D. bán cầu Nam.

Câu 55: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.
- B. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.
- C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
- D. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.
- B. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
- C. Du khách ngày càng đông.
- D. Phân bố đều khắp cả nước.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
- B. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.
- C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
- D. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Ranh giới có sự điều chỉnh.
- B. Hội tụ các thế mạnh phát triển.
- C. Tập trung các tiềm lực kinh tế.
- D. Được hình thành từ lâu đời.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
- B. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
- C. Sản xuất theo hướng hàng hóa.
- D. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Quy mô lớn.
- B. Số lượng luôn cố định.
- C. Cơ cấu tuổi thay đổi.
- D. Nhiều dân tộc.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.
- B. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.
- C. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
- D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

Câu 62: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. trình độ rất cao.
- B. phân bố rất đều.
- C. chất lượng nâng lên.
- D. số lượng không lớn.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.
- B. Các loại hình vận tải rất đa dạng.
- C. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
- D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 64: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

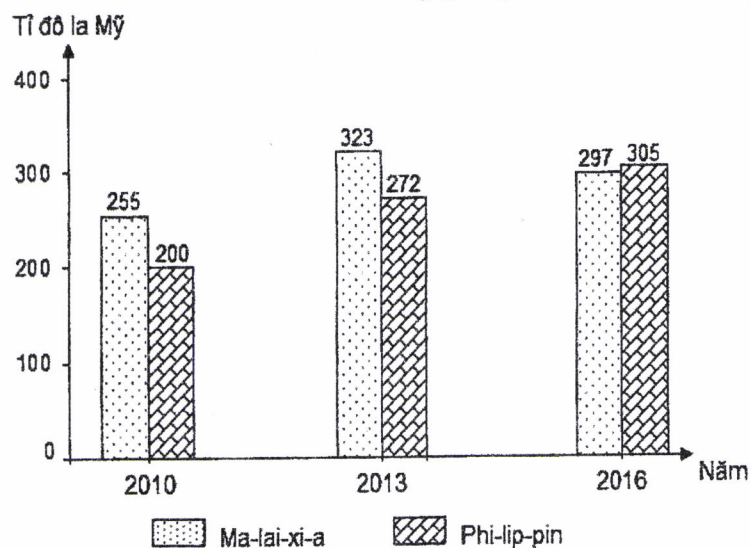
Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
- B. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.
- D. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.

- Câu 65:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- A. đáp ứng nhu cầu thị trường. B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
C. tận dụng thế mạnh lao động. D. góp phần phát triển xuất khẩu.
- Câu 66:** Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 67:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- A. hình thành các vùng công nghiệp. B. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
C. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt. D. phát triển các ngành trọng điểm.
- Câu 68:** Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
- A. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi. B. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
C. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng. D. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
- Câu 69:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- A. thời tiết đầu hạ khô nóng. B. mưa nhiều vào thu đông.
C. lượng bức xạ mặt trời lớn. D. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 70:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
B. mở rộng diện tích hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
C. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
D. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
- Câu 71:** Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là
- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa. B. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
C. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu. D. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, hội nhập quốc tế.
B. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
C. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
D. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
C. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
D. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

- Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là
- giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
 - sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
 - chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
 - khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.

- Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
 - phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
 - góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
 - hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- Kết hợp.
- Miền.
- Đường.
- Tròn.

- Câu 77:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
 - hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông.
 - đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
 - tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.

- Câu 78:** Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
 - tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật.
 - áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
 - phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.

- Câu 79:** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
- đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
 - tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
 - khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
 - nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

- Câu 80:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
 - làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 316****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?
A. Sông Đà. B. Sông Hiếu. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?
A. Vũng Tàu. B. Tân An. C. Biên Hòa. D. Mỹ Tho.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?
A. Pu Trà. B. Phu Luông. C. Phanxipăng. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?
A. Cà Mau. B. Biên Hòa. C. Cần Thơ. D. Tây Ninh.

Câu 46: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là
A. đẩy mạnh thâm canh. B. đào hồ vẫy cá.
C. làm ruộng bậc thang. D. trồng cây theo băng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?
A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Thanh Hóa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Nhơn Hội. B. Dung Quất. C. Định An. D. Vân Phong.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?
A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Tuyên Quang.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 51: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống
A. xói mòn. B. cháy rừng. C. lở đất. D. trượt đất.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?
A. Hải Phòng. B. Hòa Bình. C. Ninh Bình. D. Nam Định.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?
A. Tháng VIII. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng IX.

Câu 54: Nước ta có vị trí ở
A. vùng nhiệt đới. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. bán cầu Nam.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. D. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
C. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. D. Tập trung đông ở các đồng bằng.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa. B. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ.
C. Có một mùa đông lạnh kéo dài. D. Nhiệt độ trung bình năm thấp.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng cố định. B. Phân bố đồng đều. C. Cạn cù, sáng tạo. D. Trình độ rất cao.

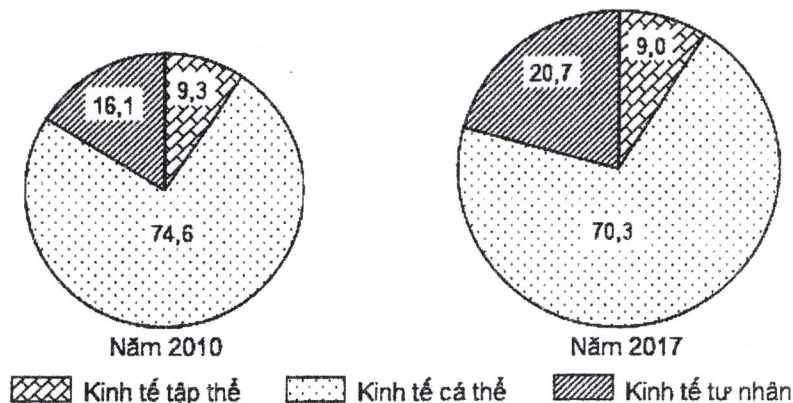
Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Số du khách ngày càng đông. B. Có nhiều trung tâm nổi tiếng.
C. Doanh thu ngày càng tăng. D. Phân bố đều khắp cả nước.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Chuồng trại đã được đầu tư. B. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.
C. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. D. Lao động nhiều kinh nghiệm.

Câu 61: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm.
C. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm. D. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chưa hội nhập vào khu vực. B. Khối lượng vận chuyển lớn.
C. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt. D. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Cơ cấu ngành có thay đổi. B. Hội tụ được các thế mạnh.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Được hình thành từ lâu đời.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn.
- B. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
- C. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
- D. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- B. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- D. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- C. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- B. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
- C. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- D. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.

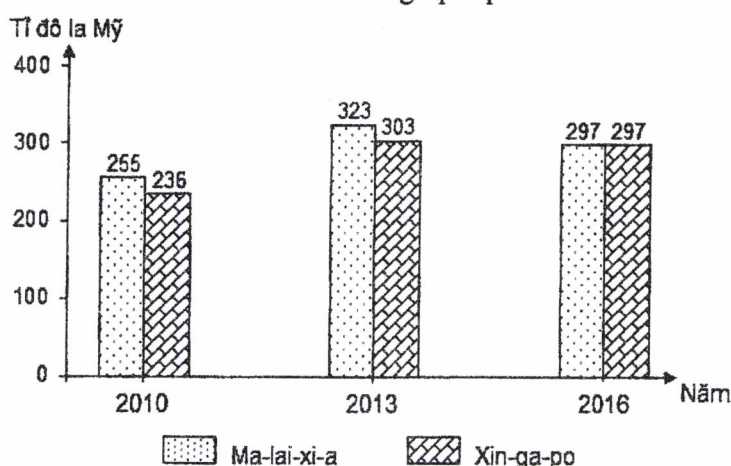
Câu 69: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.
- B. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- C. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- D. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- B. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- C. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- D. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 72: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- B. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
- C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- D. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Kết hợp. D. Đường.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
B. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
C. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
D. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
B. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
C. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
D. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
B. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
D. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
C. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
B. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.
C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
D. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 79: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia. B. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
C. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào. D. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.
B. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
C. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
D. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 317****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Vũng Áng. C. Chu Lai. D. Hòn La.

Câu 43: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng nội chí tuyến. B. vùng ngoại chí tuyến. C. bán cầu Nam. D. bán cầu Tây.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Bào Lộc. B. Đà Nẵng. C. Buôn Ma Thuột. D. Nha Trang.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Buôn Ma Thuột. B. Phan Thiết. C. Đồng Xoài. D. Đà Lạt.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng VIII.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Bình Định.

Câu 48: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. động đất. B. ngập lụt. C. hạn hán. D. sương muối.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Yên Bái. C. Lào Cai. D. Phú Thọ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Hạ Long. B. Phúc Yên. C. Bắc Ninh. D. Hưng Yên.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Phú Yên. B. Hậu Giang. C. Bến Tre. D. Sóc Trăng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Pu Tha Ca. C. Phanxipăng. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Thương. B. Sông Cầu. C. Sông Chu. D. Sông Đà.

Câu 54: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. làm ruộng bậc thang.
C. bón phân thích hợp. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều khắp cả nước. B. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
C. Phát triển nhất ở Bắc Bộ. D. Du khách ngày càng đông.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Gồm nhiều dãy núi chạy song song. B. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
C. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước. D. Có các cao nguyên badan xếp tầng.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Nhiều dân tộc. B. Số lượng luôn cố định.
C. Quy mô lớn. D. Cơ cấu tuổi thay đổi.

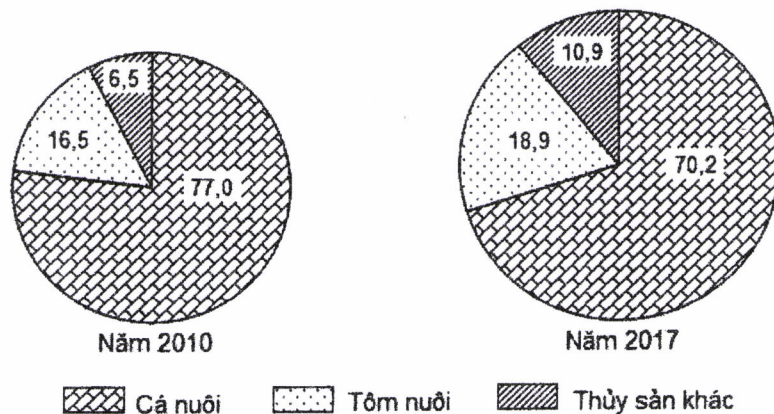
Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Các loại hình vận tải rất đa dạng. B. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
C. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. D. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn. B. Sản xuất theo hướng hàng hóa.
C. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu. D. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.

Câu 61: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm. B. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
C. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm. D. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.

Câu 62: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. chất lượng nâng lên. B. phân bố rất đều. C. trình độ rất cao. D. số lượng không lớn.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Ranh giới có sự điều chỉnh. B. Hội tụ các thế mạnh phát triển.
C. Tập trung các tiềm lực kinh tế. D. Được hình thành từ lâu đời.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế. B. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.
C. Mưa lớn thường xuyên quanh năm. D. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.

Câu 65: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. hai mùa khác nhau rõ rệt. B. thời tiết đầu hạ khô nóng.
C. mưa nhiều vào thu đông. D. lượng bức xạ mặt trời lớn.

Câu 66: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây được liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt. B. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
C. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên. D. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
B. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
C. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
D. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.

Câu 68: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
B. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
C. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
D. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.

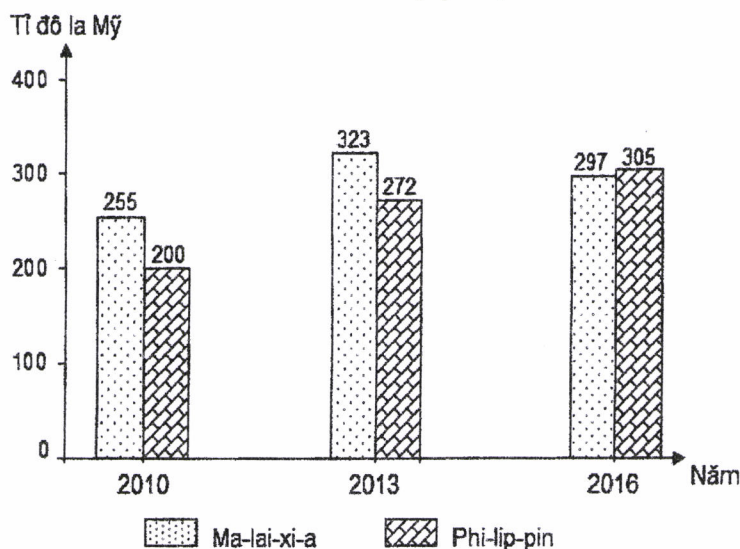
Câu 69: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- A. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu. B. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa. D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là

- A. phát triển các ngành trọng điểm. B. hình thành các vùng công nghiệp.
C. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt. D. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 72: Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm

- A. góp phần phát triển xuất khẩu. B. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
C. tận dụng thế mạnh lao động. D. đáp ứng nhu cầu thị trường.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
B. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
C. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
D. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 75: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
D. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
C. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
D. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
B. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.
C. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.
D. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.

Câu 78: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
B. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
B. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
C. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
D. sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
B. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
C. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
D. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 318

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lạng Sơn. B. Bắc Giang. C. Thái Nguyên. D. Tuyên Quang.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Tây Ninh. B. Cần Thơ. C. Cà Mau. D. Biên Hòa.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Tân An. B. Biên Hòa. C. Mỹ Tho. D. Vũng Tàu.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Đà. B. Sông Hiếu. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 46: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đào hồ vẫy cá.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. trồng cây theo băng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phu Luông. B. Phanxipăng. C. Tây Côn Lĩnh. D. Pu Trà.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dung Quất. B. Vân Phong. C. Nhơn Hội. D. Định An.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Hải Phòng. B. Hòa Bình. C. Nam Định. D. Ninh Bình.

Câu 52: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng xích đạo. B. vùng nhiệt đới. C. bán cầu Tây. D. bán cầu Nam.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. B. Tháng VIII. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 54: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. cháy rừng. B. trượt đất. C. lở đất. D. xói mòn.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. B. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.
C. Lao động nhiều kinh nghiệm. D. Chuồng trại đã được đầu tư.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Khối lượng vận chuyển lớn. B. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.
C. Chưa hội nhập vào khu vực. D. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Tập trung đông ở các đồng bằng. B. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng.
C. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. D. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Số du khách ngày càng đông. B. Có nhiều trung tâm nổi tiếng.
C. Doanh thu ngày càng tăng. D. Phân bố đều khắp cả nước.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều. B. Trình độ rất cao. C. Cạn cù, sáng tạo. D. Số lượng cố định.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Có một mùa đông lạnh kéo dài. B. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ.
C. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa. D. Nhiệt độ trung bình năm thấp.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời. B. Cơ cấu ngành có thay đổi.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Hội tụ được các thế mạnh.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

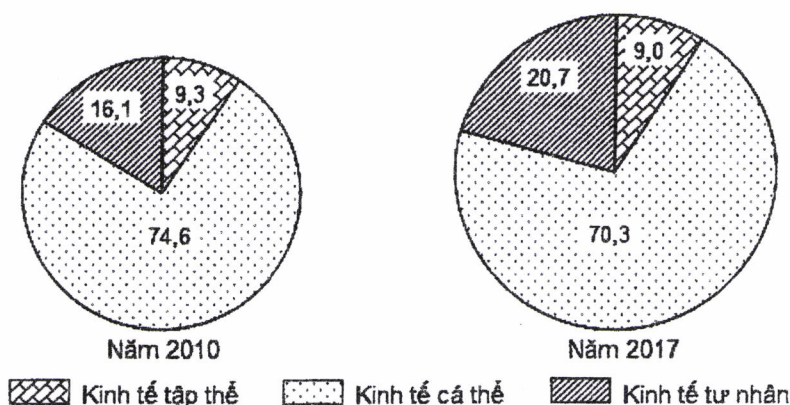
Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin. D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 63: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm.
C. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. D. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Ở phía đông thung lũng sông Hồng. D. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn.

Câu 65: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- D. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- C. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- B. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.
- C. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.
- D. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- B. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- C. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
- D. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.

Câu 69: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- B. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- C. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

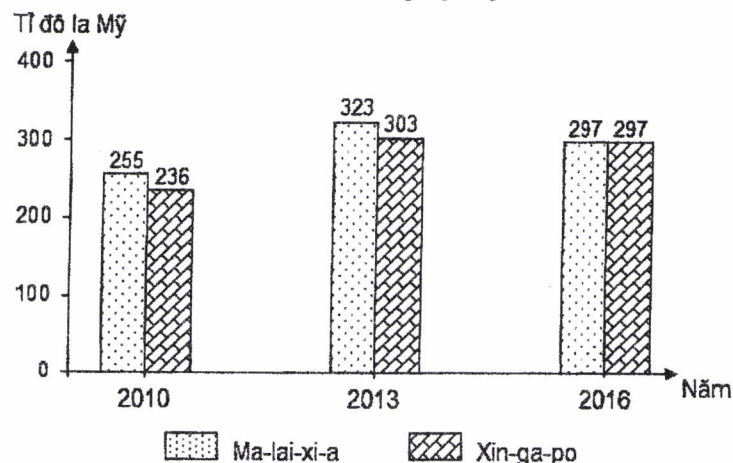
Câu 70: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- B. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- C. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- D. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- D. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 72: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.
- B. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
- C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
- D. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.
- B. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
- C. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
- B. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
- C. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
- B. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 78: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
- B. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.
- D. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỖ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Kết hợp.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
- B. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- C. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
- D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 319

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng XII. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Đà Nẵng.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Huế. B. Cha Lo. C. Đồng Hới. D. Lao Bảo.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hà Giang. B. Bắc Kạn. C. Thái Nguyên. D. Tuyên Quang.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pha Luông. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Phu Pha Phong.

Câu 46: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Lũ quét. B. Ngập mặn. C. Cát bay. D. Lụt úng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Mã. B. Sông Chu. C. Sông Cả. D. Sông Đà.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 50: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. vùng đặc quyền về kinh tế. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. nội thủy. D. lãnh hải.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Khánh Hòa. C. Phú Yên. D. Quảng Nam.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Vân Đồn. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 53: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. đào hồ vẫy cá. C. dùng thuốc diệt cỏ. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hạ Long. B. Hà Nội. C. Sơn La. D. Hải Phòng.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. B. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật.
C. Có trình độ lao động rất cao. D. Cơ cấu cây trồng có thay đổi.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Khối lượng vận chuyển lớn. B. Mạng lưới phát triển rộng.
C. Là ngành còn rất non trẻ. D. Phương tiện ngày càng tốt.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều giữa các vùng. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Tỷ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Thấp dần về phía đông bắc. B. Có nhiều cao nguyên badan.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ.

Câu 59: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Lực lượng trẻ dồi dào. B. Có tính kỉ luật rất cao.
C. Số lượng đông và tăng. D. Cần cù và sáng tạo.

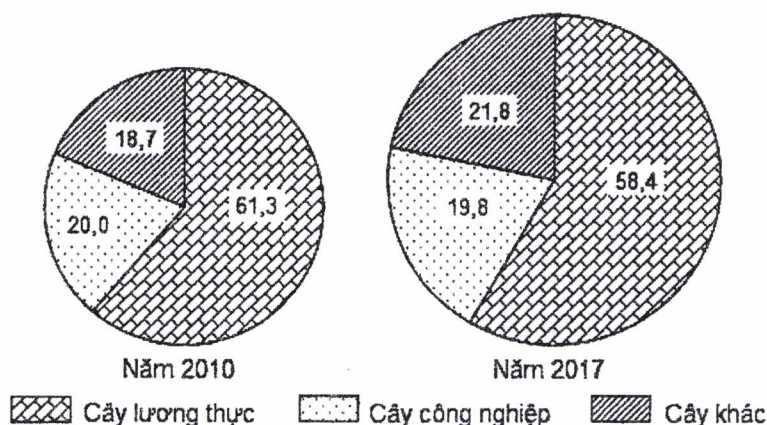
Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. B. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.
C. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. D. Chỉ thu hút được khách nội địa.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Được hình thành, phát triển từ lâu đời. B. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng. D. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.

Câu 63: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.
C. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. B. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. D. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
- B. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lý các tài nguyên.
- C. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- D. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

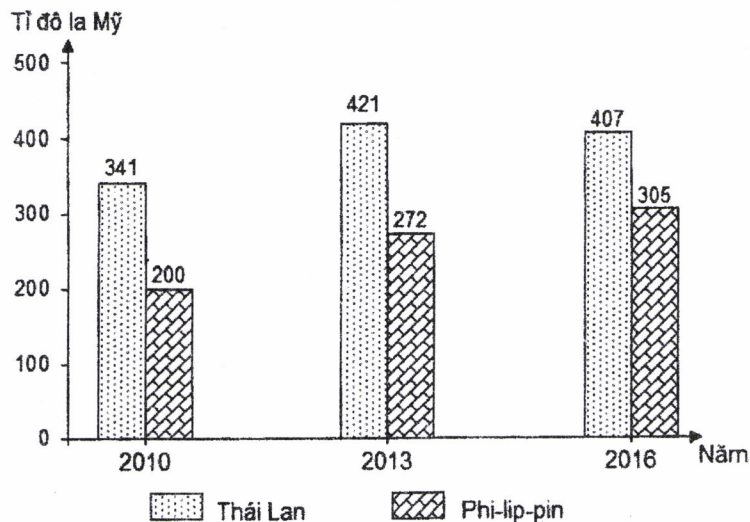
Câu 66: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.
- B. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- C. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
- D. các loại đất với đặc tính phù hợp.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.
- B. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
- C. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
- D. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.

Câu 68: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 69: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió phơn Tây Nam.
- D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
- B. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- C. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
- D. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
- C. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- D. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 72: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
- B. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
- C. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
- D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
- B. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
- C. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
- D. đổi mới quản lý, tăng cường liên kết với các nước.

Câu 74: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
- B. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.
- C. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
- D. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- B. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- C. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- D. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
- B. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- C. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- D. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.

Câu 77: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
- B. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
- C. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
- D. phân bố sản xuất hợp lý ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- B. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- C. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.
- B. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
- D. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 320

Số báo danh:

Câu 41: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Trượt đất. B. Cát bay. C. Lũ quét. D. Sóng thần.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Cà. B. Sông Chu. C. Sông Mã. D. Sông Cầu.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Sóc Trăng. B. Lâm Đồng. C. Bến Tre. D. Bình Thuận.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Thanh Hóa. B. Hải Phòng. C. Hạ Long. D. Yên Bái.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Cầu Treo. C. Đông Hà. D. Nậm Cắn.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Phú Thọ. D. Yên Bái.

Câu 49: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. dùng thuốc diệt cỏ. B. bón phân hóa học. C. nông - lâm kết hợp. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Đà Nẵng. B. Bình Định. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Kiều Liêu Ti. C. Phu Luông. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 52: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. nội thủy. B. thềm lục địa.
C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng XI. C. Tháng XII. D. Tháng IX.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời. D. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu. B. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.
C. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau. D. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.

Câu 57: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. D. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Trình độ rất cao. B. Số lượng đông đảo. C. Phân bố đồng đều. D. Cơ cấu không đổi.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới. B. Mùa đông dừng hoạt động.
C. Đa dạng hóa các loại hình. D. Thu hút nhiều vốn đầu tư.

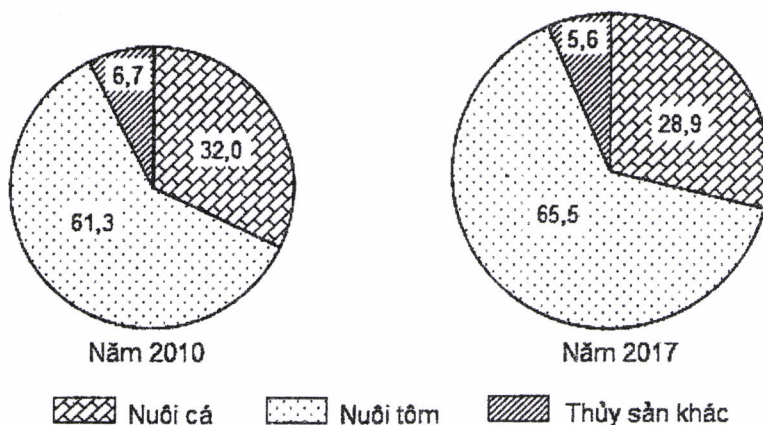
Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa. B. Hướng núi phổ biến bắc - nam.
C. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa. D. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông hơn dân thành thị. B. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.
C. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp. D. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm. B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
C. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng. D. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Sử dụng nhiều giống tốt. B. Tập trung ở các đồng bằng.
C. Có các vùng chuyên canh. D. Chủ yếu là cây nhiệt đới.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Núi cao nhất cả nước. B. Có nhiều cao nguyên.
C. Có hướng vòng cung. D. Thấp và hẹp ngang.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- B. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- C. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.

Câu 66: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- B. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.
- C. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.
- D. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.

Câu 67: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

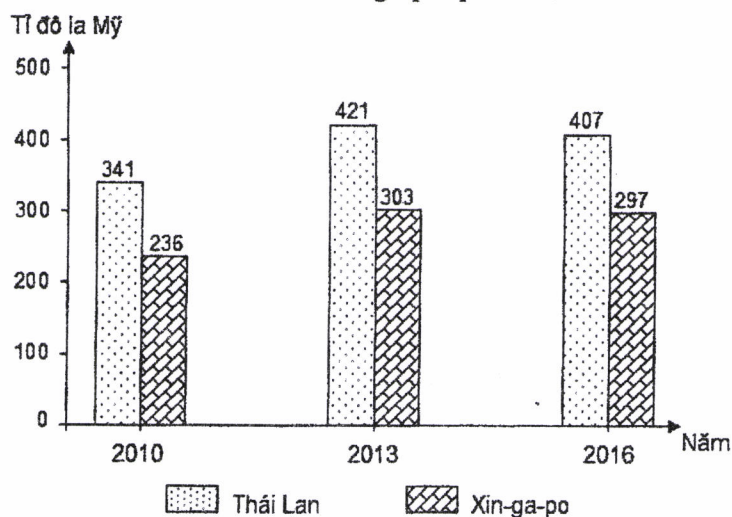
Câu 68: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- B. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
- C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.
- B. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.

Câu 70: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 71: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- B. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.
- C. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- D. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.

Câu 72: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- B. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- C. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- D. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- B. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.
- C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
- D. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.
- B. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
- B. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
- D. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
- B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- C. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
- D. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
- B. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
- C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
- D. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
- D. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 80: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
- B. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- C. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 321****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng IX. B. Tháng X. C. Tháng XII. D. Tháng XI.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Lao Bảo. C. Huế. D. Cha Lo.

Câu 43: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Lụt úng. B. Lũ quét. C. Cát bay. D. Ngập mặn.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Phú Yên. B. Đắk Lắk. C. Lâm Đồng. D. Gia Lai.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Vân Đồn.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Bình Định. B. Đà Nẵng. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Đà. B. Sông Chu. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Thái Nguyên. B. Tuyên Quang. C. Hà Giang. D. Bắc Kạn.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pha Luông. B. Phu Pha Phong. C. Kiều Liêu Ti. D. Phu Luông.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hà Nội. B. Hạ Long. C. Sơn La. D. Hải Phòng.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Khánh Hòa. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Trị. D. Nghệ An.

Câu 53: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. dùng thuốc diệt cỏ. C. đào hồ vẫy cá. D. bón phân thích hợp.

Câu 54: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. lãnh hải. B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. nội thủy. D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Loại hình sản phẩm rất đa dạng. B. Chỉ thu hút được khách nội địa.
C. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. D. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng. B. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo. D. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Có nhiều cao nguyên badan.
C. Thấp dần về phía đông bắc. D. Hướng núi chính vòng cung.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Quy mô nhỏ hơn nông thôn. B. Phân bố đều giữa các vùng.
C. Tỷ lệ thấp hơn dân nông thôn. D. Số lượng tăng qua các năm.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

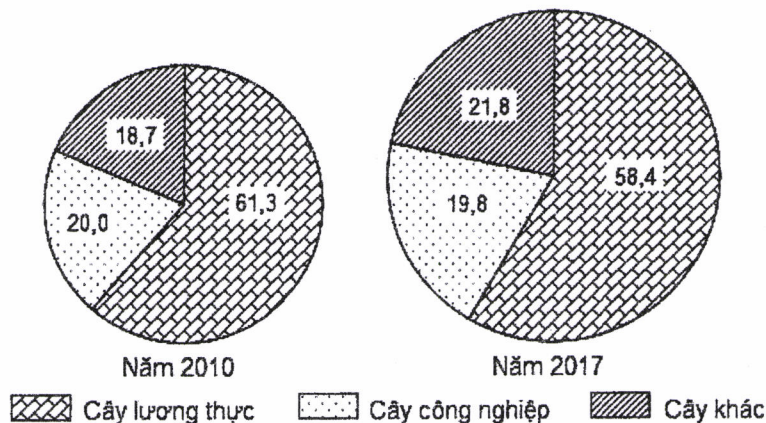
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan.

Câu 60: Lao động nước ta **không** có thể mạnh nào sau đây?

- A. Số lượng đông và tăng. B. Cần cù và sáng tạo.
C. Có tính kỉ luật rất cao. D. Lực lượng trẻ dồi dào.

Câu 61: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. D. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện ngày càng tốt. B. Là ngành còn rất non trẻ.
C. Mạng lưới phát triển rộng. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao. B. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

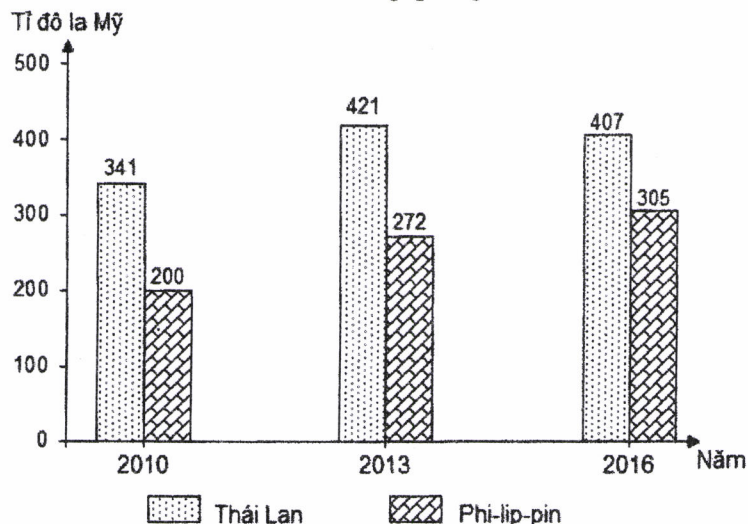
- A. Cơ cấu cây trồng có thay đổi. B. Sản phẩm đã được xuất khẩu.
C. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật. D. Có trình độ lao động rất cao.

- Câu 65:** Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có
- A. các loại đất với đặc tính phù hợp.
 - B. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
 - C. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
 - D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

- Câu 66:** Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là
- A. gió mùa Tây Nam.
 - B. gió mùa Đông Bắc.
 - C. gió phơn Tây Nam.
 - D. Tín phong bán cầu Bắc.

- Câu 67:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu.
 - B. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.
 - C. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
 - D. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá.

- Câu 68:** Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
 - B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
 - C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
 - D. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 69:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là
- A. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
 - B. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.
 - C. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
 - D. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
- Câu 70:** Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là
- A. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.
 - B. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.
 - C. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
 - D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
 - B. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
 - C. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
 - D. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.

- Câu 72:** Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là
- A. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.
 - B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
 - C. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
 - D. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

- Câu 73:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là
- A. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
 - B. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
 - C. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
 - D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
D. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.
B. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
C. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
D. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.

Câu 77: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
C. phân bố sản xuất hợp lí ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.
D. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
D. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
B. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với các nước.
C. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
D. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Mã đề thi 322

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Trượt đất. C. Cát bay. D. Sóng thần.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca. D. Phu Luông.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng IX. C. Tháng XII. D. Tháng XI.

Câu 45: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. bón phân hóa học. B. nông - lâm kết hợp. C. dùng thuốc diệt cỏ. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Lai Châu. D. Phú Thọ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đông Hà. C. Đồng Hới. D. Cầu Treo.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Bình Thuận. C. Sóc Trăng. D. Lâm Đồng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Đà Nẵng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Yên Bái. B. Thanh Hóa. C. Hải Phòng. D. Hạ Long.

Câu 53: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. nội thủy. B. thêm lục địa.
C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời. D. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Có các vùng chuyên canh. B. Chủ yếu là cây nhiệt đới.
C. Sử dụng nhiều giống tốt. D. Tập trung ở các đồng bằng.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới. B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
C. Đa dạng hóa các loại hình. D. Mùa đông dừng hoạt động.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa. B. Hướng núi phổ biến bắc - nam.
C. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa. D. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo. B. Cơ cấu không đổi. C. Trình độ rất cao. D. Phân bố đồng đều.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang. B. Núi cao nhất cả nước.
C. Có hướng vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

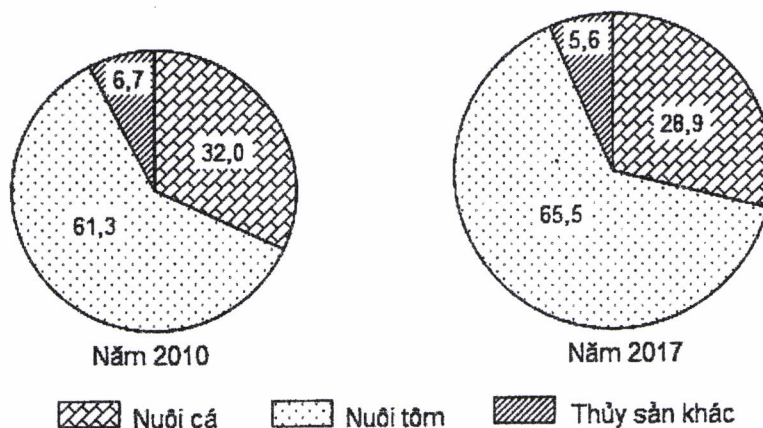
Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
C. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng. B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
C. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm. D. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị. B. Số lượng đông hơn dân thành thị.
C. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp. D. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau. B. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.
C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió phơn Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Tây Nam. D. gió mùa Đông Bắc.

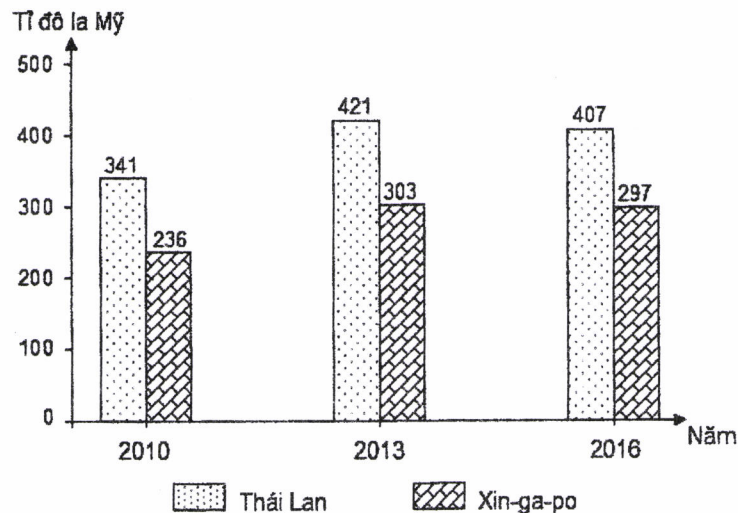
Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh. B. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
C. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi. D. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.

Câu 67: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất. B. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.
C. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp. D. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.

Câu 68: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu. B. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
C. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa. D. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 71: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản. B. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
C. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau. D. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
B. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

Câu 73: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
B. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
C. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
D. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
- B. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
- D. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Tròn.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
- B. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
- D. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
- C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
- D. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
- B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
- C. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
- D. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
- B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
- D. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 323****Số báo danh:**

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Thanh Hóa.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Thương. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Chu.

Câu 44: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. ngập lụt. B. động đất. C. sương muối. D. hạn hán.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Hưng Yên. C. Hạ Long. D. Phúc Yên.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Đà Nẵng. B. Buôn Ma Thuột. C. Nha Trang. D. Bảo Lộc.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phanxipăng. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 48: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng ngoại chí tuyến. B. bán cầu Tây. C. bán cầu Nam. D. vùng nội chí tuyến.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Sóc Trăng. B. Hậu Giang. C. Phú Yên. D. Bến Tre.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng VIII. C. Tháng IX. D. Tháng XI.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hòn La. B. Chu Lai. C. Nghi Sơn. D. Vũng Áng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Yên Bái. C. Phú Thọ. D. Lào Cai.

Câu 53: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. làm ruộng bậc thang. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Xoài. B. Phan Thiết. C. Buôn Ma Thuột. D. Đà Lạt.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.
B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

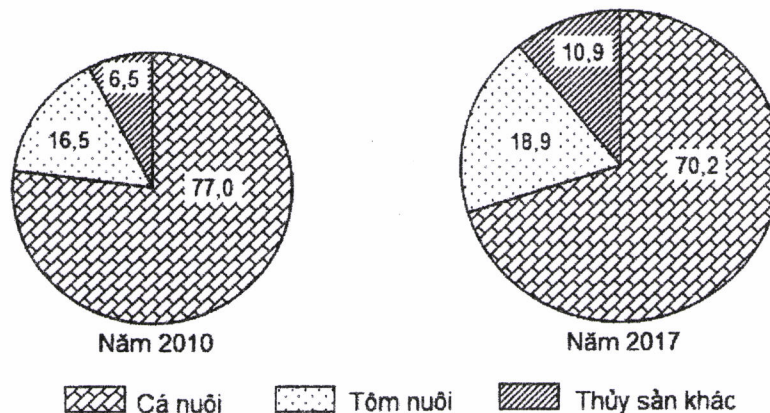
Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
B. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
C. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
D. Sản xuất theo hướng hàng hóa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời.
B. Ranh giới có sự điều chỉnh.
C. Hội tụ các thế mạnh phát triển.
D. Tập trung các tiềm lực kinh tế.

Câu 59: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.
B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
D. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
B. Du khách ngày càng đông.
C. Phân bố đều khắp cả nước.
D. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Cơ cấu tuổi thay đổi.
B. Số lượng luôn cố định.
C. Nhiều dân tộc.
D. Quy mô lớn.

Câu 62: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. phân bố rất đều.
B. số lượng không lớn.
C. trình độ rất cao.
D. chất lượng nâng lên.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
B. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.
C. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.
D. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Các ngành đều phát triển rất nhanh. B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
C. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. D. Các loại hình vận tải rất đa dạng.

Câu 65: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây được liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng. B. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
C. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt. D. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.

Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
B. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
C. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
D. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là

- A. phát triển các ngành trọng điểm. B. hình thành các vùng công nghiệp.
C. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị. D. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.

Câu 68: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. mưa nhiều vào thu đông. B. thời tiết đầu hạ khô nóng.
C. hai mùa khác nhau rõ rệt. D. lượng bức xạ mặt trời lớn.

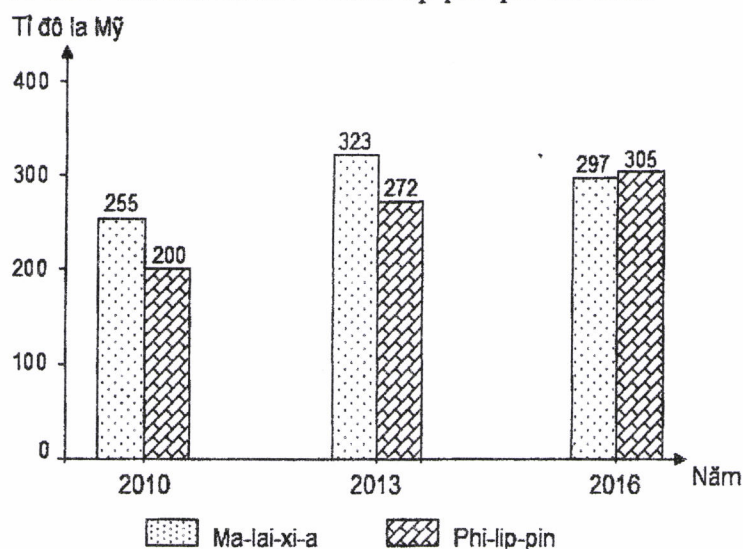
Câu 69: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- A. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ. B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
C. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu. D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
B. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
C. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
D. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 72: Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác thế mạnh về tự nhiên. B. tận dụng thế mạnh lao động.
C. đáp ứng nhu cầu thị trường. D. góp phần phát triển xuất khẩu.

- Câu 73:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
 - đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
 - hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
 - tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.

- Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
 - tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

- Câu 75:** Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
 - áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
 - phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.
 - tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.

- Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
 - tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
 - hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
 - phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

- Câu 77:** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là
- khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
 - đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
 - phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
 - chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.

- Câu 78:** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
- khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
 - tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
 - nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
 - đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- Tròn.
- Kết hợp.
- Đường.
- Miền.

- Câu 80:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là
- giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
 - sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
 - chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
 - khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 324

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 43: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. trồng cây theo băng. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Hòa Bình. B. Ninh Bình. C. Nam Định. D. Hải Phòng.

Câu 46: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. vùng nhiệt đới.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Hiếu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng XI. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Biên Hòa. B. Cần Thơ. C. Tây Ninh. D. Cà Mau.

Câu 51: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. xói mòn. B. cháy rừng. C. lở đất. D. trượt đất.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Mỹ Tho. B. Tân An. C. Vũng Tàu. D. Biên Hòa.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Pu Trà. C. Phanxipăng. D. Phu Luông.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Vân Phong.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng. B. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi.
C. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. D. Tập trung đông ở các đồng bằng.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. B. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.
C. Nhiệt độ trung bình năm thấp. D. Có một mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt. B. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Chưa hội nhập vào khu vực.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. B. Lao động nhiều kinh nghiệm.
C. Chuồng trại đã được đầu tư. D. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Trình độ rất cao. B. Phân bố đồng đều. C. Số lượng cố định. D. Cần cù, sáng tạo.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. B. Số du khách ngày càng đông.
C. Phân bố đều khắp cả nước. D. Doanh thu ngày càng tăng.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Hội tụ được các thế mạnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
C. Cơ cấu ngành có thay đổi. D. Ranh giới có sự điều chỉnh.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

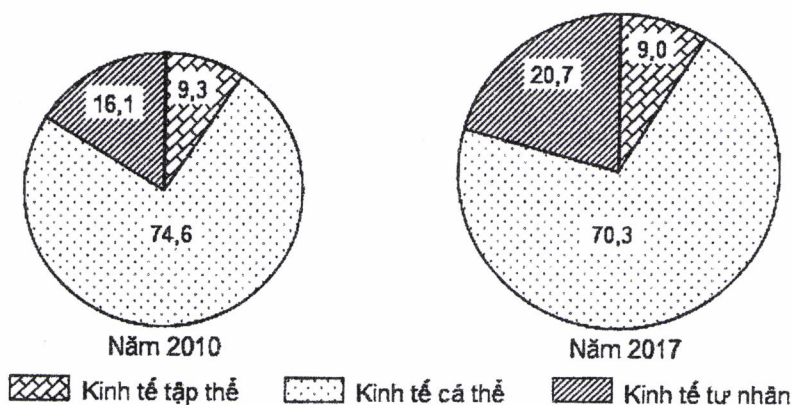
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
C. Có các cao nguyên badan xếp tầng. D. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn.

Câu 64: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 65: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- B. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- C. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 67: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- B. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- C. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.
- D. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- D. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.

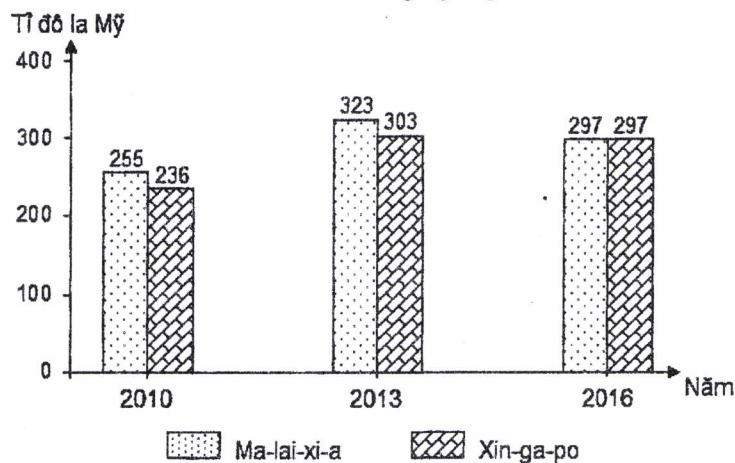
Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
- B. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- D. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.
- B. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- D. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- C. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
B. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
D. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào. B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
C. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia. D. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
B. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
C. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.
D. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
B. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
D. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.
B. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
D. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
B. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
D. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.